

PHẦN THỨ NHẤT: GIỚI THIỆU VỀ ĐƠN VỊ CỔ PHẦN HÓA

I.1 TỔNG QUAN VỀ VIỆN DỆT MAY

I.1.1 Một số thông tin chính về đơn vị

- Tên tổ chức: **Viện Dệt May**

+ Tên Tiếng Anh: Vietnam Textile Research Institute (VTRI)

+ Ngày thành lập: 05/02/1969.

+ Địa chỉ: 478 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

+ Điện thoại: 84-24 38624025

Fax: 84-24 38622867

+ Email: info@viendetmay.org.vn

Website: www.viendetmay.org.vn

Phân Viện Dệt May tại TP. Hồ Chí Minh:

+ Tên Tiếng Anh: Vietnam Textile Research Sub-Institute (VTRSI)

+ Địa chỉ: 345/128A Trần Hưng Đạo, Quận I, TP. Hồ Chí Minh.

+ Điện thoại: 84-28 39201396

Fax: 84-28 39202215

+ Email: trsi@hcm.vnn.vn

Website: www.phanviendetmay.org.vn

Viện Dệt May có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng, tổ chức Đảng, Công đoàn độc lập.

I.1.2 Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Tổ chức Khoa học và Công nghệ số 0100100294, của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 23 tháng 5 năm 2017, ngành nghề kinh doanh của Viện Dệt May được quy định cụ thể như sau:

- Sản xuất sợi (1311).

- Sản xuất vải dệt thoi (1312).

- Hoàn thiện sản phẩm dệt (1313).

- Sản xuất vải dệt kim, vải đan ngang và vải không dệt khác (1321).

- Sản xuất hàng may sẵn, trừ trang phục (1322).

- Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu (1329).

+ Sản xuất các sản phẩm tấm dệt khổ hẹp, bao gồm các tấm dệt sợi ngang không có sợi dọc được ghép với nhau thông qua chất kết dính,

+ Sản xuất đồ tía trang trí: vải viền, quả tua,

+ Sản xuất nỉ,

+ Sản xuất màn tuyn và các màn bằng vải khác, sản xuất viền đăng ten cuộn, đăng ten mảnh, dải hoặc mẫu ten rời để trang trí,

+ Sản xuất tấm dệt được tấm, được phủ hoặc tráng nhựa,

+ Sản xuất sợi dệt được tráng, phủ hoặc bọc bằng cao su hoặc nhựa,

+ Sản xuất các loại vải được tráng hoặc xử lý khác nhau như: quần áo đi sẵn, vải buồm, lều bạt, vải dùng cho họa sĩ, vải thô và các loại vải hồ cứng,...

+ Sản xuất vải quần áo dễ co giãn,

+ Sản xuất vải dùng vẽ tranh sơn dầu và vải vẽ kỹ thuật,

- + Sản xuất dây giày,
- + Sản xuất bông đánh phấn và găng tay.
- May trang phục, trừ trang phục từ da lông thú (1410).
- Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc (1430).
- Sản xuất sợi nhân tạo (2030).
- Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển (2651).
- Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da (2826).
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác (3900).
- Buôn bán vải, hàng may sẵn, giày dép,... (4641).
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (4659).
 - + Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày.
- Buôn bán chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (4669).
 - + Bán buôn hóa chất công nghiệp
 - + Buôn bán sợi dệt
 - + Buôn bán phụ liệu may mặc, giày dép
- Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh (4751).
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh (4771).
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ (5221)
 - + Hoạt động quản lý đường bộ, cầu, đường hầm, bãi đỗ xe ô tô hoặc gara ô tô, bãi đỗ xe đạp, xe máy.
- Hoạt động thông tấn (6321).
 - + Cung cấp tin tức, bài viết cho các tổ chức cung cấp bài báo.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (6810)
 - + Nhà không phải để ở gồm: Khu triển lãm, nhà kho, nơi dạo mát và trung tâm thương mại.
 - + Cung cấp nhà, căn hộ có đồ đạc hoặc chưa có đồ đạc hoặc các phòng sử dụng lâu dài, theo tháng hoặc năm.
- Hoạt động tư vấn quản lý (7020)
 - + Tư vấn về quy trình giám định các loại hàng hóa, công nghệ quy trình kiểm soát và tuân thủ các quy định về môi trường, an toàn, chất lượng và trách nhiệm xã hội.
 - + Tư vấn quản lý nguồn nhân lực.
 - + Tư vấn quản lý sản xuất.
 - + Tư vấn về hệ thống quản lý chất lượng.
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật (7120 chính)
 - + Dịch vụ Chứng nhận, giám định, thử nghiệm, kiểm định các sản phẩm dệt may, da giày, giấy, đồ chơi, polime, các sản phẩm tiêu dùng khác và môi trường.
 - + Dịch vụ hiệu chuẩn và kiểm định các thiết bị đo lường.
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật (7210 chính).

- + Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học và kỹ thuật tự nhiên
- + Nghiên cứu và phát triển khoa học tự nhiên
- + Nghiên cứu và phát triển kỹ thuật và công nghệ
- + Nghiên cứu và phát triển các lĩnh vực học thuật, tính ưu thế trong khoa học và kỹ thuật tự nhiên.
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (7320).
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng (7410).
 - + Thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giày, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất khác, hàng hóa thời trang khác cũng như đồ dùng cá nhân và gia đình khác.
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (7490).
 - + Dịch vụ chuyển giao công nghệ bao gồm: Môi giới chuyển giao công nghệ; Tư vấn chuyển giao công nghệ; Đánh giá công nghệ; Định giá công nghệ; Giám định công nghệ; Xúc tiến chuyển giao công nghệ (trong lĩnh vực dệt may và hàng tiêu dùng).
 - + Dịch vụ tư vấn, đào tạo áp dụng hệ thống quản lý theo các tiêu chuẩn Việt Nam và quốc tế, tư vấn về chất lượng hàng hóa;
 - + Dịch vụ tư vấn kỹ thuật và công nghệ;
 - + Dịch vụ tư vấn, lập hồ sơ mời thầu và phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu: tư vấn, giám sát lắp đặt thiết bị.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (8299).
 - + Xuất nhập khẩu các mặt hàng đơn vị sản xuất kinh doanh.
- Giáo dục nghề nghiệp (8532).
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục (8560).
- Hoạt động của hội nghề nghiệp (9412).
 - + Hoạt động của các tổ chức mà lợi ích của các thành viên tập trung vào một lĩnh vực may mặc, tiêu dùng.
 - + Hoạt động của các hội chuyên gia tham gia vào khoa học, học thuyết hoặc văn hóa, như hội viết văn, họa sỹ, tạo hình, nhà báo...;
 - + Phổ biến thông tin, thiết lập và giám sát chuẩn thực hành, đại diện trước cơ quan nhà nước.
- Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú (9620).

Tại thời điểm hiện nay, Viện Dệt May là đơn vị sự nghiệp khoa học công lập tự chủ tài chính chi thường xuyên, thực hiện theo Nghị định 115/2005/NĐ-CP ngày 05 tháng 09 năm 2005 trước đây và Nghị định 54/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ, với các chức năng và nhiệm vụ như sau:

 - Nghiên cứu chiến lược, qui hoạch, chính sách và các giải pháp phát triển ngành dệt may. Nghiên cứu thị trường, dự báo, hội thảo, điều tra, khảo sát, xây dựng luận chứng kinh tế - kỹ thuật theo yêu cầu, phục vụ nhu cầu quản lý, đầu tư phát triển của ngành;
 - Nghiên cứu phát triển ứng dụng các nguyên liệu, thiết bị, công nghệ, tiêu chuẩn chất lượng và sản phẩm dệt may;
 - Biên tập và biên dịch các tài liệu chuyên ngành và tạp chí dệt may;

- Tham gia xây dựng tiêu chuẩn Nhà nước và tiêu chuẩn cơ sở về các nguyên liệu, sản phẩm dệt may; Tham gia xây dựng các phòng thí nghiệm quốc gia, phòng thí nghiệm về môi trường sinh thái, hệ thống các phòng thử nghiệm trong cả nước để giám định và kiểm tra chất lượng nguyên liệu và sản phẩm dệt may;
- Nghiên cứu đánh giá tác động môi trường, xây dựng các công nghệ sạch, các giải pháp nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường trong ngành dệt may;
- Phối hợp với các Viện, trường đào tạo cán bộ chuyên ngành có trình độ trên đại học và nhân viên khoa học kỹ thuật ngành dệt may;
- Phát triển các dịch vụ khoa học và chuyển giao công nghệ với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.
- Tư vấn, thiết kế quy trình công nghệ; xây dựng, thẩm định các dự án đầu tư trong lĩnh vực dệt may và môi trường; tư vấn, giám sát, kiểm tra, đánh giá hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, thương mại và môi trường;
- Dịch vụ Chứng nhận, Giám định, Thử nghiệm, Kiểm định chất lượng nguyên liệu, phụ liệu, hoá chất, thuốc nhuộm, các sản phẩm dệt may, các sản phẩm tiêu dùng khác và môi trường;
- Dịch vụ đào tạo, thông tin tư vấn;
- Đánh giá, nhận xét về công tác khoa học kỹ thuật của các doanh nghiệp, tham mưu với các cơ quan Nhà nước có định hướng chiến lược khoa học kỹ thuật lâu dài và bền vững;
- Sản xuất và kinh doanh hàng dệt may gồm các chủng loại bông, xơ, sợi, vải, hàng may mặc, chỉ may, tơ tằm, vải tơ tằm, vải trang trí nội thất;
- Tổ chức các hoạt động xuất nhập khẩu và kinh doanh các mặt hàng dệt may, thiết bị phụ tùng ngành dệt may; phụ liệu, hoá chất, thiết bị thí nghiệm. Kinh doanh bán lẻ các sản phẩm dệt may;
- Kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng, kho bãi và dịch vụ giữ xe,...

I.1.3 Lịch sử hình thành và phát triển Viện Dệt May

Viện Dệt May, tiền thân và Viện Công nghiệp Dệt Sợi, được Chính phủ thành lập ngày 05/02/1969 theo quyết định 24/CP của Chính phủ, với vai trò là cơ quan nghiên cứu phát triển của ngành Dệt May Việt Nam.

Năm 1970 Viện chuyển về thành phố Nam Định.

Năm 1978 Xây dựng Phòng thí nghiệm hóa nhuộm ở Hà Nội do hãng Ciba-Geigy tài trợ.

Năm 1980 thành lập Phân Viện nghiên cứu dệt may tại thành phố Hồ Chí Minh.

Năm 1983 Viện Dệt May chuyển từ thành phố Nam Định về Hà Nội.

Năm 1996, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ra Quyết định số 2216 QĐ/TCCB ngày 12/8/1996 về việc chuyển tổ chức và hoạt động của Viện Công nghiệp Dệt Sợi thành Viện Kinh tế Kỹ thuật Dệt May là đơn vị sự nghiệp khoa học thuộc Tổng Công ty Dệt May Việt Nam (nay là Tập Đoàn Dệt May Việt Nam).

Tháng 12/2006, Chủ tịch Hội đồng quản trị Tập Đoàn Dệt May Việt Nam ra Quyết định số 746/QĐ-TĐDMVN ngày 14/12/2006 về việc chuyển đổi Viện Kinh tế Kỹ thuật Dệt May thành Viện Dệt May hoạt động theo tổ chức khoa học và công nghệ tự trang trải

kinh phí (quy định cơ chế tự chủ, tự quản đối với các tổ chức khoa học và công nghệ công lập Nhà nước).

Từ năm 2007, Viện là một tổ chức khoa học công nghệ công lập hoạt động tự chủ tài chính chi thường xuyên.

Các thành tích tiêu biểu đã đạt được

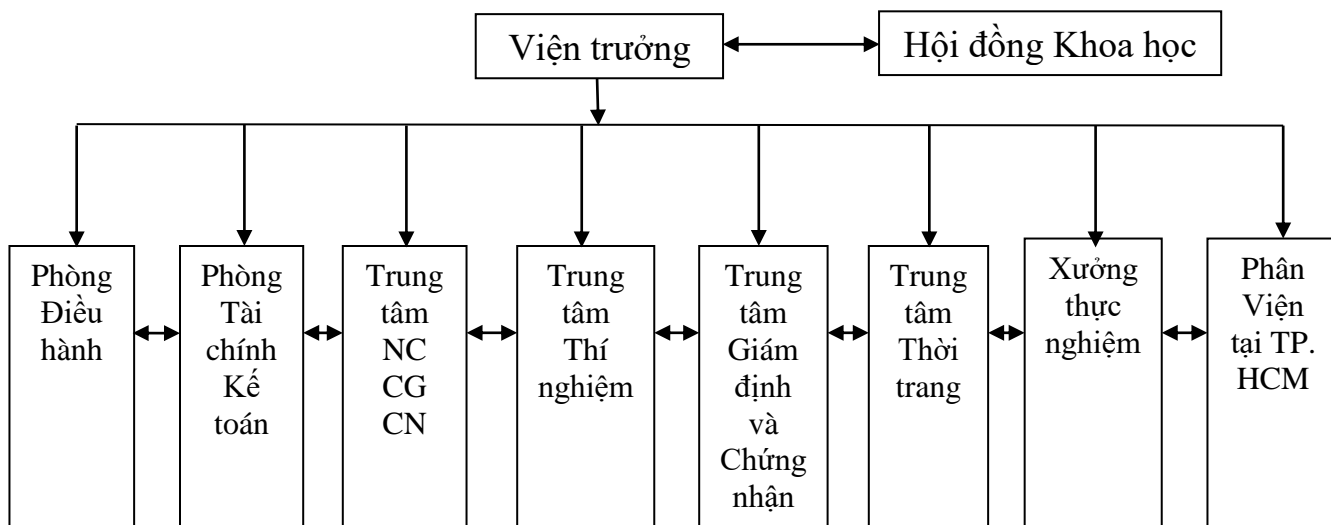
Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định
2015	Cờ thi đua Đơn vị Xuất sắc	Bộ Công Thương: Có thành tích xuất sắc trong công tác hoạt động KHCN ngành công thương giai đoạn 2011-2015
2014	Huân chương Lao động hạng Nhất	Quyết định số 1270/QĐ-CTN ngày 12/6/2014 của Chủ tịch Nước: đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2009 đến năm 2013, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.
2013	Bằng khen	Quyết định số 1426/QĐ-TTg ngày 15/8/2013 của Thủ tướng chính phủ: đã có thành tích trong công tác từ năm 2010 đến năm 2012, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.
	Huân chương Lao động hạng 3 (cho cá nhân Viện trưởng)	Quyết định số 1669/QĐ-CTN ngày 12/9/2013 của Chủ tịch nước
2012	Giấy khen	Quyết định số 28QĐ/ĐUTĐ ngày 22/01/2013 của Đảng Ủy Tập đoàn Dệt May VN
	Bằng khen	Quyết định số 1595QĐ/TLĐ ngày 11/12/2012 của Tổng liên đoàn lao động VN
	Giấy khen	Quyết định số 242/QĐ-LĐLĐ ngày 12/12/2012 của BCH Liên đoàn Lao động Quận HBT
2011	Giấy khen	Quyết định số 88QĐ/ĐUTĐ ngày 02/02/2012 của Đảng ủy Tập đoàn Dệt may VN
	Bằng khen	QĐ số 102QĐ/ TLĐ ngày 06/01/2012 của Tổng liên đoàn lao động VN
	Giấy khen	QĐ số 01QĐ/LĐLĐ ngày 11/01/2011 của Liên đoàn lao động Quận Hai Bà Trưng

I.1.4 Mô hình tổ chức của Viện Dệt May trước khi cổ phần hóa

Hiện nay, Viện Dệt May có trụ sở chính tại Hà Nội và Phân Viện tại Thành phố Hồ Chí Minh, trong đó:

Viện Dệt May tại Hà Nội gồm các bộ phận: Phòng Điều hành; Phòng Tài chính kế toán; Trung tâm Nghiên cứu, Tư vấn và Chuyên giao công nghệ; Trung tâm Giám định, chứng nhận sản phẩm; Trung tâm Thí nghiệm dệt may; Trung tâm Thiết kế thời trang và Xưởng thực nghiệm.

Phân Viện Dệt May tại Thành phố Hồ Chí Minh gồm các bộ phận: Văn phòng; Phòng Tài chính Kế toán; Trung tâm Nghiên cứu, Tư vấn và Chuyển giao công nghệ; Trung tâm giám định dệt may; Trung tâm Thí nghiệm dệt may và Xưởng sản xuất thực nghiệm.



1.1.5 Tổ chức Đảng và các tổ chức xã hội

Đảng bộ Viện Dệt May trực thuộc Đảng bộ Tập đoàn Dệt May Việt Nam, đóng vai trò lãnh đạo về chiến lược, định hướng, giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị phát triển của Viện và công tác cán bộ; thực hiện các nhiệm vụ về công tác xây dựng đảng trong sạch vững mạnh gắn với xây dựng chính quyền, các đoàn thể quần chúng và đội ngũ công nhân viên đoàn kết.

Tổ chức công đoàn, đoàn thanh niên, phát huy vai trò đồng hành cùng sự phát triển của Viện, đảm bảo quyền lợi cho người lao động, gắn kết các thành viên trong đơn vị, nâng cao đời sống tinh thần cho CBCNV, thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh giúp đơn vị phát triển bền vững.

1.1.6 Hiện trạng lực lượng lao động tại Viện Dệt May

Số lượng lao động và chất lượng lao động của Viện Dệt May như sau

Bảng 1: Số lượng và chất lượng lao động Viện Dệt May

Đơn vị tính: Người

Các chuyên ngành	Viện Hà Nội						Phân Viện Dệt May					
	Tổng số	Tiến sỹ	Thạc sỹ	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Khác	Tổng số	Tiến sỹ	Thạc sỹ	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Khác
Sợi Dệt	21	01	08	12	0	0	18	0	07	09	02	0
Hóa Nhuộm	12	02	05	05	0	0	08	0	01	05	02	0
May	03	0	0	02	01	0	0	0	0	0	0	0
Khác	40	0	02	11	03	24	13	0	02	05	06	0
TỔNG	76	03	15	30	04	24	39	0	10	19	10	0

I.1.7 Thực trạng sử dụng cơ sở vật chất nhà xưởng, đất đai

Diện tích nhà làm việc, cơ sở sản xuất thực nghiệm

a. Trụ sở chính: 478 Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội

- Diện tích: 2850,83 m²

- Diện tích xây dựng: 1208,5 m²- Diện tích sàn: 3422,3 m²

b. Xưởng thực nghiệm: 454 Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội

- Diện tích: 5311,0 m²

- Diện tích xây dựng: 3022,9 m²

- Diện tích sàn: 3022,9 m²

c. Phân Viện tại thành phố Hồ Chí Minh: 345/128A Trần Hưng Đạo, Quận I.

- Diện tích: 2219,6 m²

- Diện tích xây dựng: 1764.21m²

- Diện tích sàn: 2948.52 m²

Diện tích đất được giao sử dụng

a. Trụ sở chính: 478 Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội: 2.850,83 m². Đã có quyết định số 1025/QĐ-UBND ngày 02/03/2016 của UBND Thành phố Hà Nội cho Viện Dệt May thuê 50 năm theo hình thức cho thuê đất và miễn tiền thuê đất, Hợp đồng cho thuê đất số 232/HĐTĐ-STNMT-PC ngày 11 tháng 04 năm 2016, hiện nay đang được miễn tiền thuê đất hàng năm.

b. Xưởng thực nghiệm: 454 Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội: 5.311,0 m². Đã có quyết định số 1026/QĐ-UBND ngày 02/03/2016 của UBND Thành phố Hà Nội cho Viện Dệt May thuê 50 năm theo hình thức cho thuê đất và miễn tiền thuê đất, Hợp đồng cho thuê đất số 231/HĐTĐ-STNMT-PC ngày 11 tháng 04 năm 2016, hiện nay đang được miễn tiền thuê đất hàng năm.

c. Phân Viện tại thành phố Hồ Chí Minh: 2219,6 m², Đã có Quyết định thuê đất số 5596/QĐ-UBND thành phố HCM ngày 02 tháng 11 năm 2015, hiện nay đang làm các thủ tục thuê đất và miễn tiền thuê đất với đơn vị sự nghiệp công lập khoa học.

I.1.8 Tình hình tài chính

Trong 3 năm trước khi cổ phần hóa, tình hình tài chính của Viện Dệt May được thể hiện qua số liệu như sau:

Bảng 2: Tình hình tài chính trước khi cổ phần hóa

Đơn vị: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	2014	2015	2016
I	Doanh thu từ đề tài, dự án	8.615	6.651	6.500
II	Doanh thu từ hoạt động tự chủ	60.537	70.976	73.335
2.1	Dịch vụ kỹ thuật	29.717	37.861	45.285
	Dịch vụ theo Thông tư 37	24.177	30.559	35.594

	Thí nghiệm truyền thống	5.540	7.302	9.691
2.2	Sản xuất, kinh doanh	30.140	33.115	28.050
III	Khấu hao tích lũy	4.523	3.730	1.589
IV	Chênh lệch thu chi	1.925	4.171	1.350
V	Tổng giá trị Tài sản	42.571	45.736	44.991
	Tài sản cố định	25.926	24.866	30.132
	Tài sản lưu động	16.645	20.870	14.859
VI	Thu nhập người lao động (tr. đồng/tháng)	8,0	8,7	9,6

Theo Biên bản xác định giá trị do công ty tư vấn thực hiện:

Đơn vị: đồng

TT	Chỉ tiêu	2014	2015	Đến 30/9/2016
1	Tổng tài sản	72.600.884.072	76.726.176.544	67.902.449.331
2	Nguồn vốn kinh doanh	6.101.579.467	6.101.579.467	6.101.579.467
3	Các quỹ	13.579.010.314	17.898.046.889	13.156.730.942
4	Nguồn kinh phí hoạt động, dự án đặt hàng của Nhà nước	15.519.269.701	16.024.774.539	3.760.368.470
5	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	25.814.471.307	24.747.131.261	30.281.960.893
6	Chi hoạt động sản xuất kinh doanh	249.745.831	481.168.426	597.592.437
7	Chi theo đơn đặt hàng của Nhà nước	11.280.062.810	11.593.685.000	3.203.257.470
8	Tổng nợ phải thu	3.961.451.949	5.279.238.990	7.739.038.560
9	Tổng nợ phải trả	10.885.205.300	9.558.159.456	21.252.420.763
10	Thu nhập bình quân 1 người/tháng	8.020.000	8.660.000	9.650.000

I.1.9 Đánh giá về hoạt động của Viện Dệt May trước cổ phần hóa

Hoạt động khoa học và công nghệ (KHCN)

Các đề tài KHCN thực hiện trong giai đoạn vừa qua được đánh giá có hiệu quả, đáp ứng được yêu cầu thị trường, tạo nguồn thu cho đơn vị. Các hoạt động nghiên cứu KHCN của Viện chủ yếu tập trung vào các nội dung sau:

Tham gia các chương trình cấp Nhà nước, giúp các cơ quan quản lý trong việc hoạch định quy hoạch, xây dựng chính sách, giải pháp phát triển ngành dệt may: Tiêu biểu là các công trình đề tài Quy hoạch phát triển ngành dệt may đến năm 2020, định

hướng đến năm 2030; Rào cản kỹ thuật ngành dệt may; Đánh giá yêu cầu xuất xứ hàng dệt may khi VN tham gia hiệp định TPP, dự án Nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm hàng hóa. Các báo cáo tiền khả thi đầu tư mới các nhà máy sợi, dệt, nhuộm,...

Ứng dụng nguyên liệu, công nghệ và phát triển mặt hàng mới: Nổi bật là các công trình đề tài Công nghệ sản xuất các mặt hàng từ xơ sợi PTT; tre; gai, modal; viloft, sợi Pes biến tính; ứng dụng các công nghệ xử lý chống nhàu; kiểm soát ẩm, chống UV, kháng khuẩn, chế phẩm Chitosan chiếu xạ, ứng dụng các sản phẩm Nano,...

Thiết kế và ứng dụng phần mềm trong công nghiệp dệt may: Nổi bật là các phần mềm thiết kế, tính toán vải dệt thoi, vải dệt kim, vải nổi vòng, ngân hàng màu, tính toán và xử lý số liệu nhân trắc,... **Đã chuyển giao cho 15 cơ sở dệt may:** dệt lụa Nam Định, dệt Nam Định, Phong phú, Việt thắng, Thắng Lợi, Phước Long, Khatoco, Dệt kim Đông Xuân, Hanosimex, 19-5, Dệt len Mùa Đông,...

Xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật: Giai đoạn 2012-2016 đã xây dựng 54 tiêu chuẩn thử nghiệm vật liệu DM; phát triển, ứng dụng và được công nhận mới 32 chỉ tiêu an toàn, sinh thái DM theo ISO/EC 17025:2005; góp ý xây dựng 42 tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật dệt may;

Thiết kế chế tạo máy móc thiết bị thí nghiệm: Đã thiết kế chế tạo các máy thí nghiệm: máy dệt sóng, máy nhuộm sợi, thử micronaire của xơ bông, tủ sấy có cân, máy đục bìa tự động, các thiết bị thí nghiệm,...

Biên soạn tài liệu chuyên ngành: Đã xuất bản Từ điển điện tử chuyên ngành DM, các tài liệu kỹ thuật sợi, nhuộm và hoàn tất; Hướng dẫn tuân thủ luật CPSIA; Chương trình đào tạo chuyên ngành dệt may; Cung cấp thông tin phục vụ website của Tập đoàn và Bộ Công Thương; Đánh giá năng lực cạnh tranh ngành dệt may;

Nhóm nhiệm vụ bảo vệ môi trường: Đã đề xuất công nghệ và các giải pháp phát triển xanh, giảm độc hại trong ngành dệt nhuộm, đề xuất các chỉ tiêu sinh thái dệt may, ảnh hưởng của các loại nguyên liệu, hóa chất, chất trợ và thuốc nhuộm sử dụng trong ngành dệt may; Đề xuất mô hình quản lý phòng chống ô nhiễm tại các doanh nghiệp dệt may.

Hoạt động dịch vụ kỹ thuật

Dịch vụ Thử nghiệm – Giám định – Chứng nhận sản phẩm

Duy trì hệ thống quản lý chất lượng phòng thử nghiệm và hiệu chuẩn theo ISO/IEC 17025:2005; giám định theo ISO/IEC 17020: 2012; chứng nhận sản phẩm theo ISO/IEC 17065: 2012;

Xây dựng kế hoạch marketing cho lĩnh vực Chứng nhận, Giám định, Thử nghiệm, Kiểm định, Hiệu chuẩn nhằm đáp ứng nhu cầu của Khách hàng trong và ngoài nước

Đối với dịch vụ thử nghiệm:

Có khả năng thử nghiệm hầu hết các chỉ tiêu chất lượng sản phẩm dệt may cơ bản (114 chỉ tiêu), đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế ISO, BS, ASTM, AATCC;

Là đơn vị được ủy quyền thực hiện giám định an toàn sản phẩm dệt may theo Thông tư 32, 37/BCT;

Cập nhật, ứng dụng mới các phương pháp thử nghiệm: 32 chỉ tiêu;

Mở rộng phạm vi hoạt động sang các lĩnh vực: hiệu chuẩn, chế tạo thiết bị thí nghiệm; thử nghiệm an toàn và sinh thái dệt may;

Bổ sung các thiết bị thử nghiệm: (2011 - 2015) 26 loại thiết bị; Cải tạo phòng thí nghiệm đáp ứng điều kiện thử tiêu chuẩn;

Xây dựng kế hoạch marketing cho lĩnh vực thử nghiệm;

Đào tạo các bộ quản lý và cán bộ thí nghiệm tại các phòng thử nghiệm trong nước và nước ngoài.

Đối với dịch vụ giám định, chứng nhận:

Là đơn vị được chỉ định và ủy quyền thực hiện kiểm tra Nhà nước về an toàn sản phẩm dệt may theo Thông tư 32, 37/BCT;

Cung cấp các dịch vụ giám định: giám định bông xơ, giám định phân nhóm, phân loại sản phẩm, phân tích lỗi và giám định hàng dệt may xuất, nhập khẩu,...;

Cung cấp các dịch vụ chứng nhận sản phẩm phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn cho các sản phẩm dệt may, khăn giấy, giấy vệ sinh, băng vệ sinh, tã giấy cho trẻ em;

Cung cấp dịch vụ đào tạo, tư vấn xây dựng hệ thống quản lý chất lượng, xây dựng các yêu cầu kỹ thuật và tiêu chuẩn cơ sở cho các sản phẩm dệt may, sản phẩm giấy.

Dịch vụ Tư vấn – Đào tạo – Chuyển giao công nghệ

Thực hiện các hợp đồng tư vấn, chuyển giao công nghệ: Chuyển giao công nghệ sản xuất vải dệt kim (công ty 20), sản phẩm tơ tằm (Thái Tuấn); Xây dựng tiêu chuẩn kỹ thuật xơ PES (PVTEX Đình Vũ); Tư vấn đầu tư phòng thí nghiệm, dự án đầu tư nhà máy sợi (Sợi PVTEX Nam Định), sản xuất vải yarndyed (8/3), thẩm định đầu tư nhà máy dệt (Bộ Công an);

Tư vấn, khảo sát yêu cầu hỗ trợ KHCN cho các doanh nghiệp ngành dệt may, da giày (KITECH Hàn Quốc); Giám định chất lượng sản phẩm may (Viện FITI);

Hiệu chuẩn và cung cấp thí bị thí nghiệm cho các doanh nghiệp: Trong giai đoạn 2011 – 2015, Viện đã thực hiện hiệu chuẩn cho hơn 100 doanh nghiệp, gia công và cung cấp thiết bị (*Công ty Cổ phần Scavi Đồng Nai, Công ty TNHH MTV Dệt May 7, Công ty TNHH SX TM DV Đoàn Kết, Trường Cao đẳng Vinatex, Công Ty 28,...*). Doanh thu của dịch vụ này tăng đều qua các năm (bình quân đạt 20%/năm);

Cung cấp thông tin cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam và Trung tâm thông tin của Bộ Công Thương.

Sản xuất kinh doanh

Trong thời gian qua, Viện đã chỉ đạo nhóm phụ trách sản xuất và kinh doanh có giải pháp để duy trì sản xuất và khai thác hiệu quả thiết bị hiện có, duy trì việc làm cho lao động tại các xưởng thực nghiệm và đảm bảo hiệu quả sản xuất.

Mặt hàng chủ yếu được Viện sản xuất và cung cấp dịch vụ là các sản phẩm của các đề tài nghiên cứu ứng dụng của Viện như: sợi bông, sợi non - twist, sợi tre, các loại sản phẩm từ sợi tre, sợi tơ tằm: Khăn tre, tất tre, một số sản phẩm tơ tằm, dịch vụ kiểm tra chất lượng sản phẩm dệt may, hoá chất thuốc nhuộm. Trung tâm thiết kế thời trang

CENDI duy trì được việc làm cho cán bộ thông qua việc triển khai các hoạt động may đồng phục văn phòng, đồng phục học sinh và gia công các đơn hàng sản xuất cho các đơn vị. Ngoài ra, hoạt động sản xuất và thiết kế thời trang vẫn được thực hiện tốt, sản phẩm của Trung tâm đã được trưng bày và bán rộng rãi ở các siêu thị trong thành phố.

Nhìn chung, việc triển khai sản xuất kinh doanh của Viện chỉ tập trung vào sản xuất và kinh doanh một số mặt hàng là các sản phẩm của các đề tài nghiên cứu ứng dụng, có tính khác biệt, có qui mô nhỏ và chỉ mang tính chất thực nghiệm các lô sản phẩm qui mô nhỏ, phục vụ công tác nghiên cứu và thực nghiệm.

Các hoạt động về đầu tư, hợp tác quốc tế

Viện Dệt May đã có những biện pháp tăng cường năng lực KH&CN, khả năng cạnh tranh về thu hút đầu tư và các công nghệ tiên tiến, đẩy mạnh hoạt động hợp tác quốc tế về cả quy mô, hình thức và nội dung. Viện đã tranh thủ sự hỗ trợ từ các dự án hợp tác quốc tế để nâng cao năng lực cán bộ và đầu tư bổ sung một số thiết bị. Đồng thời từ nguồn vốn khấu hao để lại từ các dịch vụ bổ sung cho quỹ sự nghiệp, Viện đã đầu tư thêm được một số thiết bị thí nghiệm, giúp tăng năng lực cho Trung tâm thí nghiệm, mở rộng khả năng dịch vụ, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng. Ngoài ra, Viện luôn tăng cường trao đổi hợp tác với các đối tác nước ngoài (FITI, ICQ,...) trong lĩnh vực thử nghiệm, đào tạo và chuyển giao công nghệ,... để đào tạo cán bộ, mở rộng khách hàng và nâng dần vị thế của Viện Dệt May.

Đánh giá chung về kết quả hoạt động của Viện Dệt May giai đoạn 2012 - 2016

Từ năm 2007, Viện đã chuyển sang hoạt động theo mô hình tổ chức KH&CN tự trang trải kinh phí, các nguồn kinh phí sự nghiệp đều bị cắt giảm, Viện Dệt May đã tích cực đẩy mạnh các hoạt động dịch vụ kỹ thuật, sản xuất kinh doanh một số sản phẩm đặc thù, triệt để tiết kiệm, tăng doanh thu để có nguồn thu cho chi thường xuyên, tăng thu nhập cho CBCNV. Viện luôn cố gắng tạo nhiều điều kiện để CBCNV của Viện có cơ hội tiếp cận nâng cao trình độ chuyên môn, thu hút các cán bộ kỹ thuật về làm việc tại Viện. Viện cũng đã tiến hành xây dựng và thực hiện các chương trình giới thiệu, quảng bá thương hiệu của Viện thông qua các hình thức: Giới thiệu các hoạt động của Viện, phổ biến thông tin KH&CN trên trang web của Viện.

Mặc dù gặp nhiều khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh, nhưng Viện đã tổ chức thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao, ổn định về tổ chức, đẩy mạnh các hoạt động dịch vụ KH&KT, các dịch vụ khác, phục vụ các cơ sở sản xuất trong ngành. Hầu hết các đơn vị trong Viện đã hoạt động theo hướng tự chủ tài chính. Doanh thu và thu nhập bình quân cho người lao động đều có sự tăng trưởng (tăng trên 10%/năm).

Có thể điểm lại những thành tích chủ yếu mà Viện Dệt May đã đạt được trong giai đoạn 2012-2016 như sau:

Tái cơ cấu tổ chức, tạo cơ chế hoạt động thu nhập theo hiệu quả công việc, phát triển ổn định và bền vững theo mô hình tự chủ chi thường xuyên; Hoàn thành tốt các hợp đồng nghiên cứu KH&CN, hợp đồng tư vấn với các doanh nghiệp trong ngành;

Là địa chỉ tin cậy phục vụ công tác thử nghiệm, chứng nhận và giám định các sản phẩm dệt may;

Quan hệ với các đối tác nước ngoài và trong nước được mở rộng;

Khai thác hiệu quả các hoạt động dịch vụ kỹ thuật, sản xuất thử nghiệm;

Duy trì các hoạt động của Viện ổn định, theo hướng phát triển bền vững và từng bước tự chủ tài chính và cải thiện đời sống CBCNV.

Phân tích Điểm mạnh – Điểm yếu – Cơ hội – Thách thức của Viện Dệt May

Điểm mạnh:

Cơ sở vật chất của Viện khá tốt: Viện hiện 02 phòng thí nghiệm với khoảng 105 thiết bị để kiểm tra hầu hết các tính chất cơ bản của xơ, sợi, vải và sản phẩm dệt; 01 phòng thí nghiệm sinh thái có khả năng thử nghiệm 32 chỉ tiêu an toàn và sinh thái dệt may;

Trung tâm Thí nghiệm, Trung tâm Giám định và Chứng nhận sản phẩm có hệ thống quản lý chuyên nghiệp, thiết bị máy móc đồng bộ, tương đối mới; Có thương hiệu về cung cấp dịch vụ thí nghiệm, giám định trong ngành dệt may;

Nguồn nhân lực được đào tạo bài bản, có kinh nghiệm;

Có mối quan hệ tốt với các tổ chức KHCN trong và ngoài nước.

Điểm yếu

Cơ sở vật chất phục vụ nghiên cứu thực nghiệm còn thiếu, các thiết bị công nghệ kéo sợi, dệt vải, nhuộm sợi... đều là các thiết bị đơn lẻ, không đồng bộ và lạc hậu;

Chưa có đội ngũ cán bộ đầu ngành đủ mạnh;

Thiếu kiến thức kinh nghiệm về thị trường;

Chưa tạo dựng được mối quan hệ chặt chẽ, sâu sắc với các doanh nghiệp trong ngành.

Cơ hội

Trở thành tổ chức có tiềm năng cung cấp dịch vụ KHCN, dịch vụ kỹ thuật lĩnh vực dệt may ở trong nước và khu vực châu Á;

Các yêu cầu về an toàn sản phẩm dệt may trong và ngoài nước ngày càng trở nên bắt buộc, phải tuân thủ, tạo điều kiện cho việc phát triển thị trường Thử nghiệm, Giám định và Chứng nhận;

Nhu cầu về tư vấn, dịch vụ kỹ thuật, nghiên cứu KHCN về dệt may ngày càng cao.

Thách thức

Cạnh tranh ngày càng gay gắt trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ kỹ thuật dệt may, đặc biệt là trong lĩnh vực thử nghiệm;

Nguồn nhân lực có trình độ cho ngành dệt may ngày càng khan hiếm, khó cạnh tranh với các ngành nghề khác;

Các hiệp định thương mại tự do với các nước và các khu vực không chỉ mở ra cơ hội mà còn mang đến cả các thách thức trong việc cạnh tranh với các đơn vị cung cấp dịch vụ kỹ thuật dệt may quốc tế.

I.2 THỰC TRẠNG CỦA ĐƠN VỊ TẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP ĐỂ CỔ PHẦN HÓA

I.2.1 Tổng giá trị tài sản của đơn vị tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp

Bảng 3: Tổng giá trị tài sản của đơn vị theo biên bản xác định giá trị doanh nghiệp

Đơn vị: đồng

12	TÊN TÀI SẢN	Số liệu sổ sách	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
A	TÀI SẢN ĐANG DÙNG	62.327.127.402	72.793.361.647	10.466.234.245
I	TSCĐ và đầu tư dài hạn	24.887.548.055	35.353.781.720	10.466.233.665
1	Tài sản cố định	24.706.638.964	35.172.872.629	10.466.233.665
2	Chi phí XDCB dở dang	180.909.091	180.909.091	-
II	TSLĐ và đầu tư ngắn hạn	37.439.579.347	37.439.579.927	580
1	Tiền	25.930.995.540	25.930.996.120	580
+	<i>Tiền mặt tồn quỹ</i>	<i>83.016.420</i>	<i>83.017.000</i>	<i>580</i>
+	<i>Tiền gửi ngân hàng</i>	<i>25.847.979.120</i>	<i>25.847.979.120</i>	-
3	Các khoản phải thu	7.739.038.560	7.739.038.560	-
5	Vật tư, hàng hoá tồn kho	3.571.505.851	3.571.505.851	-
6	Tài sản lưu động khác	198.039.396	198.039.396	-
B	TÀI SẢN KHÔNG CẦN DÙNG	5.550.018.071	5.550.018.071	-
I	TSCĐ và đầu tư dài hạn	5.550.018.071	5.550.018.071	-
1	Tài sản cố định	5.550.018.071	5.550.018.071	-
II	TSLĐ và đầu tư ngắn hạn	-	-	-
C	TÀI SẢN CHỜ THANH LÝ	25.303.858	25.303.858	-
I	TSCĐ và đầu tư dài hạn	25.303.858	25.303.858	-
1	Tài sản cố định	25.303.858	25.303.858	-
D	TÀI SẢN HÌNH THÀNH TỪ QKTPL	-	-	-
	Tổng giá trị Tài sản của ĐV (A+B+C+D)	67.902.449.331	78.368.683.576	10.466.234.245
	Trong đó: Tổng giá trị thực tế ĐV (Mục A)	62.327.127.402	72.793.361.647	10.466.234.245
E1	Nợ thực tế phải trả	21.252.420.763	21.252.420.763	-
E2	Nguồn kinh phí sự nghiệp	557.111.000	557.111.000	-
	TỔNG GIÁ TRỊ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI ĐƠN VỊ [A-<E1+E2>]	40.517.595.639	50.983.829.884	10.466.234.245

(Nguồn: Theo Quyết định số 1814/QĐ-BCT ngày 22 tháng 5 năm 2017 của Bộ Công Thương về việc xác định giá trị Viện Dệt May do Tập đoàn Dệt May Việt Nam tạm thời quản lý để cổ phần hóa tại thời điểm 30/9/2016 do Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội thực hiện (BB số 35/2016/XDGTĐN/CPA HANOI ngày 31/3/2017).

I.2.2 Thực trạng tài sản cố định của đơn vị tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp

Bảng 4: Thực trạng tài sản cố định của Viện Dệt May

Đơn vị: đồng

STT	Loại tài sản	Giá trị theo sổ sách	Giá trị theo số liệu xác định giá trị doanh nghiệp	Chênh lệch
A	TÀI SẢN ĐANG DÙNG	24.706.638.964	35.172.872.629	10.466.233.665
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	3.514.299.285	15.625.358.904	12.111.059.619
2	Máy móc thiết bị	20.704.349.480	18.302.399.474	2.401.950.006
3	Phương tiện vận tải	380.316.512	983.000.000	602.683.488
4	Thiết bị quản lý	107.673.687	262.114.250	154.440.563
5	Tài sản cố định vô hình	-	-	-
B	TÀI SẢN KHÔNG CẢN DÙNG	5.550.018.071	5.550.018.071	-
1	Máy móc, thiết bị	5.550.018.071	5.550.018.071	-
C	TÀI SẢN CHỜ THANH LÝ	25.303.858	25.303.858	-
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	12.835.755	12.835.755	-
2	Máy móc, thiết bị	12.468.103	12.468.103	-
D	TÀI SẢN HÌNH THÀNH TỪ QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI	-	-	-
	Tổng cộng	30.281.960.893	40.748.194.558	10.466.233.665

(Nguồn: Theo Quyết định số 1814/QĐ-BCT ngày 22 tháng 5 năm 2017 của Bộ Công Thương về việc xác định giá trị Viện Dệt May do Tập đoàn Dệt May Việt Nam tạm thời quản lý để cổ phần hóa tại thời điểm 30/9/2016 do Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội thực hiện (BB số 35/2016/XĐGTDN/CPA HANOI ngày 31/3/2017).

I.2.3 Thực trạng về tài chính, công nợ của công ty tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp

Bảng 5: Thực trạng về tài chính công nợ

Đơn vị: đồng

Khoản mục	Số dư công nợ tại 30/9/2016	Số công nợ được đối chiếu tại 30/9/2016	Tỷ lệ đối chiếu công nợ/Tổng số nợ (%)
Phải thu khách hàng	5.335.714.113	5.305.689.158	99,44%
Trả trước cho người bán, phải thu khác	2.403.324.447	2.412.891.332	100%
Phải trả người bán	4.408.339.463	4.342.558.863	98,51%
Người mua trả trước	548.933.954	439.472.154	80,06%
Phải trả khác	9.130.110.545	7.565.675.051	83%

(Nguồn: Theo Quyết định số 1814/QĐ-BCT ngày 22 tháng 5 năm 2017 của Bộ Công Thương về việc xác định giá trị Viện Dệt May do Tập đoàn Dệt May Việt Nam tạm thời quản lý để cổ phần hóa tại thời điểm 30/9/2016 do Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội thực hiện (BB số 35/2016/XĐGTDN/CPA HANOI ngày 31/3/2017).

I.2.4 Thực trạng về đất đai đang sử dụng

a. Tại Hà Nội

Khu đất số 478 Phố Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

- Diện tích theo bản đồ hiện trạng sử dụng: 2.850,83 m².
- Hiện trạng sử dụng nhà, đất: Đang sử dụng làm trụ sở văn phòng làm việc và trung tâm thí nghiệm.
- Phương án đề nghị sử dụng khi chuyển sang công ty cổ phần:
 - + Phương án sử dụng: Tiếp tục quản lý, sử dụng cùng với công trình đã xây dựng làm trụ sở làm việc, trung tâm thí nghiệm, chứng nhận, nghiên cứu đào tạo và giới thiệu sản phẩm như hiện trạng.
 - + Hồ sơ pháp lý, mục đích sử dụng: Khu đất này được nhà nước cho thuê đất và miễn tiền thuê đất 50 năm kể từ ngày 15/10/1993 theo Quyết định số 1025/QĐ-UBND ngày 02 tháng 3 năm 2016 và Hợp đồng cho thuê đất số 232/HĐTĐ-STNMT-PC ngày 11 tháng 4 năm 2016.

Khu đất ngõ 454/24 Phố Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

- Diện tích theo bản đồ hiện trạng sử dụng: 5.311 m².
- Hiện trạng sử dụng nhà, đất: Đang sử dụng làm văn phòng, trung tâm nghiên cứu, đào tạo và xưởng thực nghiệm.
- Phương án đề nghị sử dụng khi chuyển sang công ty cổ phần:
 - + Phương án sử dụng: Tiếp tục quản lý, sử dụng cùng với công trình đã xây dựng làm văn phòng, trung tâm nghiên cứu đào tạo và xưởng thực nghiệm như hiện trạng.
 - + Hồ sơ pháp lý, mục đích sử dụng: Khu đất này được nhà nước cho thuê đất và miễn tiền thuê đất 50 năm kể từ ngày 15/10/1993 theo Quyết định số 1025/QĐ-UBND ngày 02 tháng 3 năm 2016 và Hợp đồng cho thuê đất số 231/HĐTĐ-STNMT-PC ngày 11 tháng 4 năm 2016.

Ngày 10 tháng 3 năm 2017, Sở Tài chính đã có công văn số 1404/STC-QLCS gửi Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt phương án sử dụng đất của Viện Dệt May khi thực hiện cổ phần hóa, thống nhất cho Viện được giữ lại tiếp tục quản lý, sử dụng 02 cơ sở nhà, đất, ký hợp đồng thuê đất và trả tiền thuê đất hàng năm.

Ngày 11 tháng 4 năm 2017, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội đã có công văn số 1662/UBND-KT gửi Viện Dệt May về việc phê duyệt phương án sử dụng đất của Viện trên địa bàn thành phố Hà Nội khi thực hiện cổ phần hóa, thống nhất cho Viện được giữ lại tiếp tục quản lý, sử dụng 02 cơ sở nhà, đất, ký hợp đồng thuê đất và trả tiền thuê đất hàng năm.

b. Tại Thành phố Hồ Chí Minh

Khu đất số 354/128A Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

- Diện tích theo bản đồ hiện trạng sử dụng: 2.219,6 m²

- Hiện trạng sử dụng nhà, đất: Đang sử dụng làm cơ sở nghiên cứu, thử nghiệm, đào tạo, xưởng thực nghiệm và giới thiệu sản phẩm.

- Phương án đề nghị sử dụng khi chuyển sang công ty cổ phần:

+ Phương án sử dụng: Tiếp tục quản lý cơ sở nhà, đất nói trên cho các mục đích nghiên cứu khoa học, thí nghiệm, đào tạo, chứng nhận sản phẩm, sản xuất thực nghiệm và giới thiệu sản phẩm như hiện trạng.

- Hồ sơ pháp lý, mục đích sử dụng: Khu đất này đang tiếp tục hoàn tất các thủ tục xin thuê đất và miễn tiền thuê đất đối với đơn vị sự nghiệp khoa học công lập.

Ngày 10 tháng 02 năm 2017, Viện Dệt May đã có công văn số 38/VDM-VP gửi Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc thống nhất phương án sử dụng đất của Phân Viện Dệt May tại TP. Hồ Chí Minh, tiếp tục được quản lý, sử dụng cơ sở nhà, đất nói trên cho các mục đích nghiên cứu khoa học, thí nghiệm, đào tạo, sản xuất thực nghiệm và giới thiệu sản phẩm như hiện trạng.

Đến ngày 24 tháng 02 năm 2017, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã gửi Ban Chỉ đạo 09 (Sở Tài chính) công văn số 2075/VP-KT về việc tiếp nhận văn bản trên và đề nghị có ý kiến về phương án sử dụng đất của Viện.

Trong Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất ngày 19 tháng 6 năm 2017 giữa Phân Viện Dệt May, Tập đoàn Dệt May Việt Nam và Tổ kiểm tra liên ngành (gồm các Chuyên viên của Sở Tài chính và Sở xây dựng thành phố), Tổ kiểm tra đã ghi nhận hiện trạng sử dụng nhà đất tại thời điểm kiểm tra hiện trạng và Phân Viện đã kiến nghị vẫn tiếp tục được quản lý, sử dụng nhà đất cho các mục đích nghiên cứu khoa học, thí nghiệm, đào tạo, sản xuất thực nghiệm và giới thiệu sản phẩm,...

I.2.5 Thực trạng về lao động

Tổng số lao động của Viện Dệt May tại thời điểm trước khi cổ phần hóa là: 123 lao động (trong đó, số lao động đang làm việc là: 115 người; Số lao động đang nghỉ việc không hưởng lương có sự đồng ý của thủ trưởng đơn vị, có tham gia BHXH: 08 người).

Tại thời điểm xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập (30/9/2016), trong số 115 lao động đang làm việc gồm có 76 lao động tại Viện Dệt May Hà Nội và 39 lao động tại Phân Viện Dệt May tại TP. Hồ Chí Minh.

PHẦN THỨ HAI

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HOÁ VIỆN DỆT MAY

II.1 CƠ SỞ PHÁP LÝ

II.1.1 Các căn cứ pháp lý

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 thay thế Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005 có hiệu lực từ ngày 01/07/2015;

Căn cứ nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyên doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần; Thông tư số 189/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyên doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần; Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22 tháng 06 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành Công ty cổ phần;

Căn cứ Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức Khoa học và công nghệ công lập;

Căn cứ Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ; Nghị định số 116/2015/NĐ/CP sửa đổi bổ sung nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ; Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần;

Căn cứ Thông tư 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Bộ Lao động thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 07 năm 2011 của Chính phủ về việc chuyên doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần; Thông tư 35/2016/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 10 năm 2016 của Bộ Lao động thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động khi chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần theo Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 38/2010/TT-BLĐTBXH ngày 24/12/2010 của Bộ Lao động thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thi thành một số điều của Nghị định số 91/2010/NĐ-CP ngày 20/08/2010 của Chính phủ về việc quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ quyết định số 37/2014/QĐ-TTg ngày 18 tháng 06 năm 2014 của Chính phủ về ban hành tiêu chí, danh mục phân loại doanh nghiệp Nhà nước;

Căn cứ công văn số 1569/TTg-ĐMDN ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ về phương án sắp xếp các đơn vị sự nghiệp thuộc Tập đoàn Dệt May Việt Nam;

Căn cứ quyết định số 4553/QĐ-BCT của Bộ Công Thương ngày 21 tháng 11 năm 2016 về việc chuyển đổi Viện Dệt May thành công ty cổ phần;

Căn cứ quyết định số 4770/QĐ-BCT của Bộ Công Thương ngày 06 tháng 12 năm 2016 về việc thành lập Ban chỉ đạo chuyển đổi Viện Dệt May thành công ty cổ phần;

Căn cứ Quyết định số 4923/QĐ-BCT ngày 19 tháng 12 năm 2016 về việc thành lập Tổ giúp việc Ban chỉ đạo chuyển đổi Viện Dệt May thành công ty cổ phần;

Căn cứ công văn số 12563/BCT-CNN của Bộ Công Thương ngày 28 tháng 12 về việc triển khai cổ phần hóa Viện Dệt May, Viện Mẫu Thời trang;

Căn cứ Quyết định số 1814/QĐ-BCT ngày 22 tháng 5 năm 2017 của Bộ Công Thương về việc xác định giá trị Viện Dệt May do Tập đoàn Dệt May Việt Nam tạm thời quản lý để cổ phần hóa;

Căn cứ Công văn số 4789/BCT-TCCB ngày 31 tháng 5 năm 2017 của Bộ Công Thương về việc hướng dẫn thực hiện chính sách lao động dôi dư khi cổ phần hóa đơn vị sự nghiệp.

II.1.2 Mục tiêu cổ phần hóa

Chuyển đổi Viện Dệt May từ loại hình đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước làm chủ sở hữu sang hoạt động theo loại hình doanh nghiệp khoa học và công nghệ, hình thức Công ty cổ phần có nhiều chủ sở hữu, huy động vốn của các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài để nâng cao năng lực tài chính, đổi mới công nghệ, đổi mới phương thức quản lý, nhằm nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh trong hoạt động của Viện, đóng góp tích cực vào sự phát triển ngành dệt may Việt Nam và của nền kinh tế;

Đảm bảo hài hòa lợi ích của Nhà nước, Viện Dệt May, nhà đầu tư và người lao động trong Viện;

Thực hiện công khai, minh bạch theo nguyên tắc thị trường; gắn với phát triển thị trường vốn, thị trường chứng khoán.

II.1.3 Điều kiện để cổ phần hóa

Viện Dệt May là đơn vị có điều kiện để cổ phần hóa:

Có lịch sử hình thành lâu đời và giàu truyền thống trong ngành dệt may (do Chính phủ thành lập từ năm 1969);

Có khách hàng truyền thống và hợp tác lâu dài;

Đã thực hiện tự chủ tài chính chi thường xuyên từ năm 2007;

Sự quan tâm hỗ trợ tích cực của các cơ quan quản lý cấp trên;

Những điều kiện trên là cơ sở để có thể thực hiện cổ phần hóa, có điều kiện thu hút các nhà đầu tư đầu tư vào doanh nghiệp.

II.1.4 Giá trị thực tế doanh nghiệp để cổ phần hóa

Căn cứ vào quyết định công bố giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa (*Theo Quyết định số 1814/QĐ-BCT ngày 22 tháng 5 năm 2017 của Bộ Công Thương về việc xác định giá trị Viện Dệt May do Tập đoàn Dệt May Việt Nam tạm thời quản lý để cổ phần hóa*) giá trị thực tế của doanh nghiệp để cổ phần hóa như sau:

Giá trị thực tế tại doanh nghiệp: 72.793.361.647 đồng (*Bảy mươi hai tỷ bảy trăm chín mươi ba triệu ba trăm sáu mươi một ngàn sáu trăm bốn mươi bảy đồng*)

Giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp: 50.983.829.884 đồng (*Năm mươi tỷ chín trăm tám ba triệu tám trăm hai chín ngàn tám trăm tám tư đồng*)

Tài sản cố định không cần dùng, chờ thanh lý, tổng giá trị còn lại theo sổ sách là: 5.575.321.929 đồng (*Năm tỷ năm trăm bảy lăm triệu ba trăm hai một ngàn chín trăm hai chín đồng*).

Tài sản hình thành từ Quỹ phúc lợi: 0 đồng (*Không đồng*).

Cơ cấu nguồn vốn, tài sản tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp

Phân loại theo cơ cấu vốn:

Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn là: 37.439.579.927 đồng

Tài sản cố định và đầu tư dài hạn là: 35.353.781.720 đồng

Phân loại theo nguồn vốn:

Nợ phải trả là: 21.252.420.763 đồng

Nguồn vốn chủ sở hữu là: **50.983.829.884** đồng.

II.2 NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN

II.2.1 Hình thức cổ phần hóa

Viện Dệt May thực hiện cổ phần hóa theo Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ; Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về việc chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành Công ty cổ phần là doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

Phương thức chuyển đổi: Chuyển đổi Viện Dệt May sang hoạt động theo loại hình doanh nghiệp khoa học và công nghệ, hình thức Công ty cổ phần.

Hình thức cổ phần hóa: Bán hết phần vốn Nhà nước hiện có tại đơn vị theo quy định tại khoản 2 điều 4 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP.

II.2.2 Thông tin đơn vị sau khi cổ phần hóa

Tên công ty

Tên gọi, trụ sở, tư cách pháp nhân của công ty

Tên tổ chức: **Viện Nghiên cứu Dệt May - Công ty cổ phần**

Tên tiếng Anh: Vietnam Textile Research Institute - Joint Stock Company (VTRI).

Địa chỉ: 478 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 38624025

Fax: (84-24) 38622867

Email: info@viendetmay.org.vn

Website: www.viendetmay.org.vn

Biểu tượng Logo của Công ty:



Phân Viện Nghiên cứu Dệt May tại TP. Hồ Chí Minh:

Tên tiếng Anh: Vietnam Textile Research Sub-Institute in HCM City (VTRSI).

Địa chỉ: 345/128A Trần Hưng Đạo, Quận I, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (84-28) 39201396

Fax: (84-28) 39202215

Email: trsi@hcm.vnn.vn

Website: www.phanviendetmay.org.vn

Ngành nghề kinh doanh

a. Các ngành nghề kinh doanh chính gồm:

- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật (7120- lĩnh vực chính)
 - + Dịch vụ Chứng nhận, giám định, thử nghiệm, kiểm định các sản phẩm dệt may, da giày, giấy, đồ chơi, polime, các sản phẩm tiêu dùng khác và môi trường
 - + Dịch vụ hiệu chuẩn và kiểm định các thiết bị đo lường.
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật (7210- lĩnh vực chính)
 - + Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học và kỹ thuật tự nhiên
 - + Nghiên cứu và phát triển khoa học tự nhiên
 - + Nghiên cứu và phát triển kỹ thuật và công nghệ.
 - + Nghiên cứu và phát triển các lĩnh vực học thuật, tính ưu thế trong khoa học và kỹ thuật tự nhiên.
- Sản xuất sợi (1311)
- Sản xuất vải dệt thoi (1312)
- Hoàn thiện sản phẩm dệt (1313)
- Sản xuất vải dệt kim, vải đan ngang và vải không dệt khác (1321)
- Sản xuất hàng may sẵn, trừ trang phục (1322)
- Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu (1329)
- May trang phục, trừ trang phục từ da lông thú (1410)
- Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc (1430)
- Sản xuất sợi nhân tạo (2030)
- Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển (2651)
- Sản xuất may cho ngành dệt, may và da (2826)
- Sửa chữa máy móc, thiết bị (33120)
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp (3320)
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác (3900)
- Buôn bán vải, hàng may sẵn, giày dép,...(4641)
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (4659)
- Buôn bán chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (4669)
- Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh (4751)
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh (4771)
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (5229)
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ (52219)

- Hoạt động thông tấn (6321)
 - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (6810)
 - Hoạt động tư vấn quản lý (7020)
 - Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (7110)
 - Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (7320)
 - Hoạt động thiết kế chuyên dụng (7410)
 - Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (7490)
 - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (8299)
 - Giáo dục nghề nghiệp (8532)
 - Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (8559)
 - Dịch vụ hỗ trợ giáo dục (8560)
 - Hoạt động của hội nghề nghiệp (9412)
 - Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú (9620)
- b. Khi cần thiết, Đại hội đồng cổ đông công ty quyết định việc bổ sung các ngành nghề kinh doanh và đăng ký mã ngành theo quy định của Pháp luật.

II.2.3 Hình thức pháp lý

Viện nghiên cứu Dệt May - Công ty cổ phần là doanh nghiệp khoa học và công nghệ được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Viện Dệt May hiện là đơn vị sự nghiệp khoa học công nghệ công lập, 100% vốn nhà nước. Viện nghiên cứu Dệt May - Công ty cổ phần có vốn điều lệ thuộc sở hữu của các cổ đông, được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần và chịu trách nhiệm tài chính hữu hạn đối với các khoản nợ bằng số vốn đó, hạch toán kinh tế độc lập, tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong quá trình hoạt động Viện có thể thay đổi vốn điều lệ theo qui định của pháp luật;

Viện nghiên cứu Dệt May - Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, có con dấu riêng, được mở tài khoản tiền Việt Nam đồng và ngoại tệ tại các Ngân hàng, Tổ chức tín dụng, Kho bạc Nhà nước trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật; Hoạt động theo Điều lệ Viện, Luật Doanh nghiệp và các văn bản hiện hành của Nhà nước.

II.2.4 Quyền và nghĩa vụ của Viện nghiên cứu Dệt May - Công ty Cổ phần

1. Viện **Nghiên cứu Dệt May – Công ty cổ phần là Doanh nghiệp Khoa học Công nghệ được tiếp tục kế thừa các quyền, lợi ích hợp pháp và các nghĩa vụ của Viện Dệt May theo các quy định của pháp luật; được tiếp tục kế thừa các ưu đãi như đối với các đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động trong lĩnh vực khoa học công nghệ theo Quyết định 22/2015 QĐ -TTg ngày 22/06/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đơn vị sự nghiệp thành công ty cổ phần và các văn bản khác của Chính phủ cho Viện Dệt May trước khi chuyển đổi thành công ty cổ phần;** được tiếp tục kinh doanh các ngành, nghề hiện Viện Dệt May đang thực hiện và các hoạt động kinh doanh khác theo quy định của pháp luật. Được tự quyết định thu giá dịch vụ trên cơ sở khung giá tính đủ các chi phí hợp lý, đúng pháp luật.

2. Viện nghiên cứu Dệt May - Công ty Cổ phần có trách nhiệm sắp xếp, sử dụng tối đa số lao động tại thời điểm quyết định chuyển đổi và phối hợp các cơ quan liên quan giải quyết chế độ nghỉ việc, thôi việc cho người lao động theo qui định của Bộ luật Lao động và các quyền lợi khác theo qui định hiện hành; kế thừa mọi trách nhiệm đối với người lao động từ đơn vị sự nghiệp công lập chuyển sang; có quyền tuyển chọn, bố trí sử dụng lao động.
3. Viện nghiên cứu Dệt May - Công ty Cổ phần tiếp tục kế thừa các nghĩa vụ tài chính và nghĩa vụ khác đã bàn giao từ đơn vị sự nghiệp công lập sang công ty cổ phần; có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc thu hồi nợ phải thu và thực hiện nghĩa vụ trả nợ; được sử dụng toàn bộ tài sản, nguồn vốn nhận bàn giao để tổ chức kinh doanh có hiệu quả.
4. Viện nghiên cứu Dệt May - Công ty Cổ phần có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm tra, xử lý những vấn đề tài chính để xác định giá trị phần vốn nhà nước của đơn vị tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần.
5. Viện nghiên cứu Dệt May - Công ty Cổ phần được phát hành cổ phiếu và trái phiếu theo quy định tại Điều lệ Viện, phù hợp với quy định của pháp luật.
6. Viện nghiên cứu Dệt May - Công ty Cổ phần có quyền sở hữu, sử dụng và quyết định đối với tên gọi, biểu tượng, thương hiệu của mình theo qui định của pháp luật.
7. Viện nghiên cứu Dệt May - Công ty Cổ phần có quyền đặt chi nhánh, văn phòng đại diện của công ty ở trong nước, nước ngoài phù hợp với qui định của pháp luật.
8. Viện nghiên cứu Dệt May - Công ty Cổ phần có các quyền khác quy định tại Điều lệ Viện hoặc được pháp luật quy định.

II.2.5 Vốn điều lệ, cơ cấu vốn điều lệ và phương thức bán cổ phần

a. Vốn điều lệ

Căn cứ vào quyết định công bố giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa (*Theo Quyết định số 1814/QĐ-BCT ngày 22 tháng 5 năm 2017 của Bộ Công Thương về việc xác định giá trị Viện Dệt May do Tập đoàn Dệt May Việt Nam tạm thời quản lý để cổ phần hóa*) giá trị thực tế của doanh nghiệp để cổ phần hóa như sau:

Giá trị thực tế tại doanh nghiệp: 72.793.361.647 đồng (*Bảy mươi hai tỷ, bảy trăm chín mươi ba triệu, ba trăm sáu mươi một ngàn, sáu trăm bốn mươi bảy đồng*)

Giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp: 50.983.829.884 đồng (*Năm mươi tỷ, chín trăm tám ba triệu, tám trăm hai chín ngàn, tám trăm tám tư đồng*)

Căn cứ:

Phương hướng kế hoạch sản xuất kinh doanh của Viện;

Năng lực quản lý sản xuất kinh doanh của bộ máy quản lý Viện;

Khả năng tự chủ và mối quan hệ hợp tác với các đối tác;

Vốn điều lệ của công ty cổ phần là: 50.000.000.000 đồng (*Năm mươi tỷ đồng chẵn*) được chia thành: 5.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần).

Phần chênh lệch giữa giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp với mức vốn điều lệ xác định là 983.829.884 đồng (*Chín trăm tám ba triệu, tám trăm hai chín ngàn, tám trăm tám tư đồng*) sẽ được nộp về Quỹ.

b. Cơ cấu vốn điều lệ

Vốn điều lệ của công ty	Số cổ phần	Số tiền (đồng)	Tỷ lệ %
1. Cổ phần nhà nước	0	0	0
2. Người lao động tại đơn vị	474.000	4.740.000.000	9,48
<i>Ưu đãi theo năm làm việc</i>	<i>169.200</i>	<i>1.692.000.000</i>	<i>3,38</i>
<i>Mua thêm</i>	<i>304.800</i>	<i>3.048.000.000</i>	<i>6,1</i>
3. Nhà đầu tư chiến lược	2.263.000	22.630.000.000	45,26
4. Nhà đầu tư khác	2.263.000	22.630.000.000	45,26
Tổng cộng	5.000.000	50.000.000.000	100

II.2.6 Đối tượng mua cổ phần, chính sách bán cổ phần giá ưu đãi và việc phát hành cổ phần qua đấu giá

a. Đối tượng mua cổ phần:

CBCNV doanh nghiệp có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hoá theo quy định tại Điều 21 Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg;

Nhà đầu tư khác theo quy định Điều 4 Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg, bao gồm các tổ chức, cá nhân (kể cả người lao động trong doanh nghiệp cổ phần hóa).

b. Cổ phần bán cho CBCNV

Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của Viện Dệt May tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp được quyền mua cổ phần ưu đãi theo năm thực tế làm việc tại khu vực nhà nước và được ưu đãi mua thêm theo cam kết làm việc lâu dài tại công ty cổ phần.

Cổ phần ưu đãi cho người lao động theo năm thực tế làm việc tại khu vực nhà nước (Khoản 2, Điều 20, Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg):

CBCNV có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hoá là **117** người (*trong đó có 01 người mới làm tại Viện từ tháng 12 năm 2016, không được mua cổ phần ưu đãi*) tương đương **1.692** năm công tác được mua cổ phần ưu đãi theo năm thực tế tại khu vực nhà nước. Số lao động có sự chênh lệch 06 người (*từ 123 người ở thời điểm 30/9/2016 giảm xuống 117 người ở thời điểm 22/5/2017*) là do có lao động nghỉ hưu, chuyển công tác và tuyển dụng mới trong khoảng thời gian này.

Viện Dệt May đã lập danh sách lao động mua ưu đãi theo năm làm việc, Danh sách này được công bố công khai và được người lao động nhất trí thông qua Hội nghị cán bộ viên chức như sau:

Tổng số lao động (người)	117
Số lao động được mua cổ phần ưu đãi	116
Tổng số năm công tác (năm)	1.692
Tổng số cổ phần được mua theo giá ưu đãi	169.200 cổ phần tương đương với 3,38% vốn điều lệ
Giá bán cổ phần ưu đãi	60% giá đấu thành công thấp nhất
Thời gian thực hiện	Sau khi thực hiện đấu giá công khai

(Danh sách người lao động được mua cổ phần ưu đãi theo năm thực tế tại khu vực nhà nước trình bày cụ thể tại Phụ lục 04 trong phần Phụ lục của phương án).

Cổ phần ưu đãi mua thêm của người lao động tại Viện Dệt May sau khi cổ phần hóa có cam kết làm việc lâu dài. Tiêu chí cán bộ là chuyên gia được mua thêm cổ phiếu khi cổ phần hóa Viện Dệt May như sau:

1. Đáp ứng tiêu chí về trình độ chuyên môn: Có học vị Tiến sĩ, Tiến sĩ khoa học, hoặc có một trong các chức danh: Phó Giáo sư, Giáo sư, Nghiên cứu viên cao cấp, Nghiên cứu viên chính, Kỹ sư cao cấp, Kỹ sư chính hoặc chức danh nghề nghiệp tương đương.

2. Hướng dẫn chính ít nhất 01 nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án Tiến sĩ hoặc chủ biên ít nhất 01 sách chuyên khảo.

3. Có ít nhất 01 bài báo được đăng trên Tạp chí khoa học chuyên ngành Quốc tế có uy tín (ISI) hoặc 03 bài báo khoa học đã được đăng trên Tạp chí khoa học chuyên ngành quốc gia thuộc Danh mục các Tạp chí khoa học chuyên ngành được tính điểm công trình khoa học quy đổi khi xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư, Phó giáo sư do Hội đồng Chức danh giáo sư nhà nước ban hành.

4. Có bằng phát minh sáng chế/giải pháp hữu ích được ứng dụng tại Viện/Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

5. Có ít nhất 05 năm kinh nghiệm nghiên cứu liên tục trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp với lĩnh vực hoạt động của Viện và là thành viên Ban chủ nhiệm chương trình/đề tài khoa học cấp quốc gia, cấp Bộ, cấp tỉnh, cấp sở hoặc cấp Tập đoàn và đã được ứng dụng tại Viện/Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

6. Đạt giải thưởng quốc tế, giải thưởng uy tín trong nước về khoa học và công nghệ.

Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đạt một trong các tiêu chí nêu trên, không vi phạm pháp luật và điều lệ tổ chức hoạt động của Viện Dệt May, có văn bản

cam kết làm việc lâu dài ít nhất 05 năm (kể từ ngày Viện Dệt May chuyển đổi thành công ty cổ phần và được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp lần đầu) được mua thêm cổ phần theo mức 800 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp nhưng không quá 8.000 cổ phần cho một người lao động.

Danh sách CBCNV sẽ chuyển sang làm việc tại công ty cổ phần có **79** người, trong đó có 76 người được mua cổ phần mua thêm theo cam kết làm việc lâu dài tại công ty cổ phần. Viện Dệt May đã lập danh sách lao động mua cổ phần ưu đãi theo cam kết làm việc lâu dài tại công ty cổ phần. Danh sách này được công bố công khai và được người lao động nhất trí thông qua hội nghị cán bộ công nhân viên như sau:

Tổng số lao động (người)	79
Tổng số lao động được mua thêm cổ phần (người)	76
Tổng số CP được mua theo cam kết làm việc	304.800 cổ phần tương đương với 6,1% vốn điều lệ.
Giá bán cổ phần mua thêm ưu đãi	Bằng giá đấu thành công thấp nhất
Thời gian thực hiện	Sau khi thực hiện đấu giá công khai

(Danh sách người lao động được mua cổ phần ưu đãi theo năm cam kết làm việc lâu dài được trình bày cụ thể tại Phụ lục 05).

c. Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược

Số lượng nhà đầu tư chiến lược: Không quá 03 Nhà đầu tư chiến lược là pháp nhân hoạt động trong ngành dệt may.

Tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược:

- Là tổ chức kinh tế độc lập, có uy tín đã hoạt động trong ngành dệt may tối thiểu 05 năm, tính đến năm trước năm đăng ký là nhà đầu tư chiến lược. Có vốn điều lệ tối thiểu là 300 tỷ đồng, kết quả kinh doanh có lãi 02 năm trước liền kề và không có lỗ lũy kế đến cuối năm trước liền kề năm đăng ký là nhà đầu tư chiến lược. Có hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu ở thời điểm cuối của 02 năm trước liền kề năm đăng ký là nhà đầu tư chiến lược dưới 2,5 lần (theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);

- Có kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học công nghệ và cung cấp các dịch vụ kỹ thuật (tư vấn, thẩm định,...), có khả năng hỗ trợ, hợp tác và gắn kết giữa Viện với ngành dệt may tối thiểu 05 năm trước khi đăng ký là nhà đầu tư chiến lược.

- Có cam kết bằng văn bản của người có thẩm quyền trong việc gắn bó lợi ích lâu dài và hỗ trợ Viện Dệt May sau chuyển đổi. Cam kết thực hiện đúng theo định hướng, phương án cổ phần hóa của Viện đã được phê duyệt.

- Không chuyển nhượng cổ phần được mua trong thời gian 05 năm kể từ ngày Công ty cổ phần được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu. Trường hợp đặc biệt cần chuyển nhượng số cổ phần này trước thời hạn thì phải được Đại hội cổ đông chấp thuận.
- Cam kết bằng văn bản không tham gia bất kỳ thỏa thuận nào nhằm dẫn đến thiệt hại cho Viện Dệt May theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Số cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược dự kiến là 2.263.000 cổ phần tương đương với 45,26% vốn điều lệ.

d. Cổ phần bán đấu giá trên sàn

Viện đề nghị chọn hình thức bán đấu giá công khai, số lượng cổ phần bán đấu giá công khai là 2.263.000 cổ phần tương đương với 45,26% vốn điều lệ. Việc tổ chức đấu giá công khai được thực hiện bởi Sở Giao dịch chứng khoán do Bộ Công Thương phê duyệt.

II.2.7 Loại cổ phần và phương thức phát hành

a. Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông

b. Phương thức bán cổ phần lần đầu: Bán đấu giá công khai.

Thời gian hoàn thành việc bán cổ phần dự kiến: Trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày phương án cổ phần hóa được phê duyệt.

c. Giá bán cổ phần lần đầu

Đề xuất giá khởi điểm cổ phần bán ra bên ngoài: Giá khởi điểm bán cổ phần sẽ được đề xuất dựa trên cơ sở tham khảo xác định giá cổ phần theo 3 phương pháp: phương pháp chiết khấu cổ tức, phương pháp vốn chủ sở hữu và phương pháp so sánh.

Theo phương án 1: Nhận vốn và tài sản theo giá trị sổ sách

Giá 1 cổ phần theo phương pháp chiết khấu cổ tức là: **10.280** đồng.

Giá 1 cổ phần theo phương pháp vốn chủ sở hữu là **12.583** đồng.

Giá 1 cổ phần theo phương pháp so sánh: Hiện tại trên thị trường không có công ty nào hoạt động tương tự như Viện Dệt May do vậy không thực hiện được việc tính giá khởi điểm trên cơ sở phương pháp so sánh.

Giá bình quân 1 cổ phần theo 2 phương pháp trên là: **11.432** đồng/cổ phần. Viện đề xuất giá bán khởi điểm là **11.450** đồng/cổ phần.

Theo phương án 2: Nhận vốn và tài sản theo giá trị doanh nghiệp đã đánh giá lại

Giá 1 cổ phần theo phương pháp chiết khấu cổ tức là: **10.117** đồng.

Giá 1 cổ phần theo phương pháp vốn chủ sở hữu là **12.583** đồng.

Giá 1 cổ phần theo phương pháp so sánh: Hiện tại trên thị trường không có công ty nào hoạt động tương tự như Viện Dệt May do vậy không thực hiện được việc tính giá khởi điểm trên cơ sở phương pháp so sánh.

Giá bình quân 1 cổ phần theo 2 phương pháp trên là: **11.350** đồng/cổ phần. Viện đề xuất giá bán khởi điểm là **11.350** đồng/cổ phần.

(Chi tiết tính giá cổ phần theo phương pháp này được trình bày tại Phụ lục 11).

II.2.8 Chi phí cổ phần hóa

Tổng chi phí cổ phần hóa là: 330.000.000 đồng (*Ba trăm ba mươi triệu đồng chẵn*). Chi phí này được lấy từ Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

TT	CÁC KHOẢN CHI PHÍ CỔ PHẦN HÓA	Chi phí đã duyet	Chi phí thực tế phát sinh		
			Đã chi	Còn phải chi	Cộng
I	Các khoản chi trực tiếp tại doanh nghiệp	39.800.000		149.800.000	189.600.000
2	Chi phí tuyên truyền, công bố thông tin doanh nghiệp		0	15.000.000	15.000.000
3	Chi phí bán cổ phần tại SGGCK: 0,3% x 22.427.500.000đ		0	67.282.500	67.282.500
4	Chi phí lập hồ sơ, bản cáo bạch sở Giao dịch chứng khoán		0	5.000.000	5.000.000
5	Chi phí thuê tư vấn bán cổ phần	39.800.000	0	50.000.000	50.000.000
6	Chi phí Đại hội cổ đông lần đầu			10.000.000	10.000.000
7	Chi phí dự phòng			2.517.500	2.517.500
II	Chi phí thuê tư vấn lập PA CPH (gồm cả việc tư vấn xác định giá khởi điểm để bán CP, điều lệ)	38.500.000	38.500.000	0	38.500.000
III	Tiền thuê kiểm toán tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp	77.000.000	77.000.000	0	77.000.000
-	Để xác định giá trị doanh nghiệp (lần 1)	77.000.000	77.000.000	0	77.000.000
IV	Thù lao Ban chỉ đạo CPH và tổ giúp việc	44.700.000	44.700.000	0	44.700.000
V	Chi phí thuê tư vấn lập hồ sơ quyết toán cổ phần hóa	0	0	20.000.000	20.000.000
	Tổng cộng	200.000.000	160.200.000	169.800.000	330.000.000

II.2.9 Kế hoạch sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa

a. Tiền thu từ bán cổ phần (tạm tính theo giá khởi điểm)

Phương án 1: Nhận vốn và tài sản theo giá trị sổ sách (Giá khởi điểm 11.450 đồng/cổ phần)

Khoản mục	Giá trị (đồng)
Tiền thu từ bán cổ phần tạm tính theo giá khởi điểm, trong đó:	
Tiền thu từ bán ưu đãi cho người lao động theo số năm thực tế làm việc tại khu vực nhà nước	1.937.340.000
Tiền thu từ bán mua thêm cho người lao động theo số năm cam kết làm việc lâu dài	3.489.960.000
Tiền thu được từ bán cổ phiếu cho nhà đầu tư chiến lược	25.911.350.000
Tiền thu được từ bán đấu giá công khai	25.911.350.000
Tổng cộng	57.250.000.000

Phương án 2: Nhận vốn và tài sản theo giá trị doanh nghiệp đã đánh giá lại (Giá khởi điểm 11.350 đồng/cổ phần)

Khoản mục	Giá trị (đồng)
Tiền thu từ bán cổ phần tạm tính theo giá khởi điểm, trong đó:	
Tiền thu từ bán ưu đãi cho người lao động theo số năm thực tế làm việc tại khu vực nhà nước	1.920.420.000
Tiền thu từ bán mua thêm cho người lao động theo số năm cam kết làm việc lâu dài	3.459.480.000
Tiền thu được từ bán cổ phiếu cho nhà đầu tư chiến lược	25.685.050.000
Tiền thu được từ bán đấu giá công khai	25.685.050.000
Tổng cộng	56.750.000.000

b. Số tiền dự kiến nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp

Dự kiến kế hoạch nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp như sau:

Phương án 1: Nhận vốn và tài sản theo giá trị sổ sách

Stt	Khoản mục	Giá trị (đồng)
1	Vốn điều lệ Công ty cổ phần	50.000.000.000
2	Tiền thu từ cổ phần hóa	57.250.000.000
2.1	Thu từ bán cổ phần ưu đãi cho người lao động	1.937.340.000
2.2	Bán ưu đãi theo số năm cam kết làm việc lâu dài	3.489.960.000
2.3	Bán cho nhà đầu tư chiến lược	25.911.350.000
2.4	Thu được từ bán đấu giá công khai	25.911.350.000

3	Tiền chi cổ phần hóa	1.533.119.437
3.1	Chi hỗ trợ lao động dôi dư	1.533.119.437
3.2	Chi phí cổ phần hóa (được lấy từ Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp của Tập đoàn Dệt May Việt Nam)	(330.000.000)
4	Tổng số tiền thu từ cổ phần hóa phải nộp về Quỹ	55.716.880.563

Phương án 2: Nhận vốn và tài sản theo giá trị doanh nghiệp đã đánh giá lại

Stt	Khoản mục	Giá trị (đồng)
1	Vốn điều lệ Công ty cổ phần	50.000.000.000
2	Tiền thu từ cổ phần hóa	56.750.000.000
2.1	Thu từ bán cổ phần ưu đãi cho người lao động	1.920.420.000
2.2	Bán ưu đãi theo số năm cam kết làm việc lâu dài	3.459.480.000
2.3	Bán cho nhà đầu tư chiến lược	25.685.050.000
2.4	Thu được từ bán đấu giá công khai	25.685.050.000
3	Tiền chi cổ phần hóa	1.533.119.437
3.1	Chi hỗ trợ lao động dôi dư	1.533.119.437
3.2	Chi phí cổ phần hóa (được lấy từ Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp của Tập đoàn Dệt May Việt Nam)	(330.000.000)
4	Tổng số tiền thu từ cổ phần hóa phải nộp về Quỹ	55.216.880.563

II.2.10 Phương án sắp xếp lao động

a. Kế hoạch sắp xếp lại lao động

Trên cơ sở hiện trạng đội ngũ lao động hiện có của doanh nghiệp, nhu cầu lao động sau cổ phần hóa và các quy định của pháp luật về lao động nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty, phát huy năng lực của người lao động, Viện dự kiến sẽ tiến hành phương án sắp xếp lại lao động như sau:

- Tổng số lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp là: **117** người, trong đó:

Số lao động ký hợp đồng không xác định thời hạn: **108** lao động

Số lao động ký hợp đồng khoán dài hạn: **0** lao động

Số lao động ký hợp đồng làm việc: **09** lao động

- Số lao động chuyển sang làm việc tại công ty cổ phần là: **79** người là lao động ký hợp đồng không xác định thời hạn.

- Số lao động nghỉ hưu theo chế độ, chuyển công tác trước thời điểm công bố giá trị đơn vị sự nghiệp công lập (22/5/2017): **02** lao động.

- Số lao động thôi việc khi chuyển sang công ty cổ phần là **35** lao động trong đó:

Số lao động tự nguyện chấm dứt hợp đồng: **0** lao động.

Số lao động dôi dư nghỉ hưu trước tuổi theo Nghị định 63: **08** lao động (chi tiết tại Phụ lục 09).

Số lao động dôi dư phải chấm dứt hợp đồng lao động trả trợ cấp mất việc làm: **27** lao động (chi tiết tại Phụ lục 09)

Tổng số kinh phí để thực hiện chính sách với lao động nghỉ hưu, dôi dư là: **1.533.119.437** đồng sẽ lấy từ tiền bán cổ phần của doanh nghiệp.

b. Kế hoạch tuyển dụng

Dựa trên nhu cầu về nguồn nhân lực để đảm bảo quá trình sản xuất kinh doanh sau cổ phần hóa Viện sẽ bố trí sắp xếp vị trí nhiệm vụ mới cho phù hợp với những lao động chuyển sang làm việc tại công ty cổ phần.

II.2.11 Phương án sử dụng đất và trụ sở làm việc

Viện đã lập phương án sử dụng đất trình cơ quan có thẩm quyền xem xét quyết định để tiếp tục được sử dụng làm văn phòng làm việc cho các bộ phận, phòng ban chức năng của Viện tại Hà Nội và Chi nhánh tại TP HCM, **các phòng thí nghiệm, Trung tâm đào tạo** với toàn bộ diện tích đất đai, nhà cửa vật kiến trúc, công trình kết cấu hạ tầng,...

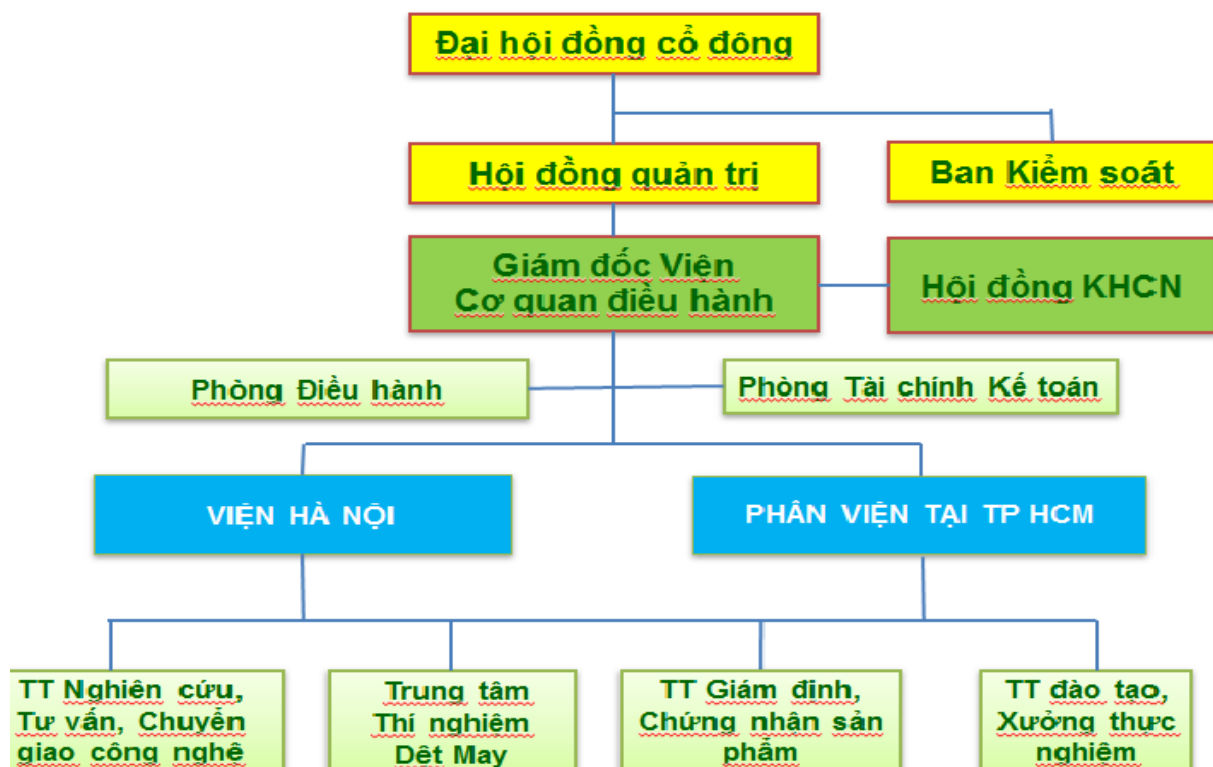
a. Trụ sở chính: 478 Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội: 2.850,83 m². Đã có quyết định số 1025/QĐ-UBND ngày 02/03/2016 của UBND Thành phố Hà Nội cho Viện Dệt May thuê 50 năm theo hình thức cho thuê đất và miễn tiền thuê đất, Hợp đồng cho thuê đất số 232/HĐTĐ-STNMT-PC ngày 11 tháng 04 năm 2016, hiện nay đang được miễn tiền thuê đất hàng năm. Sau cổ phần, tiếp tục được sử dụng làm văn phòng làm việc, trung tâm thí nghiệm, chứng nhận, nghiên cứu đào tạo và giới thiệu sản phẩm như hiện tại.

b. Xưởng thực nghiệm: 454 Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội: 5.311,0 m². Đã có quyết định số 1026/QĐ-UBND ngày 02/03/2016 của UBND Thành phố Hà Nội cho Viện Dệt May thuê 50 năm theo hình thức cho thuê đất và miễn tiền thuê đất, Hợp đồng cho thuê đất số 231/HĐTĐ-STNMT-PC ngày 11 tháng 04 năm 2016, hiện nay đang được miễn tiền thuê đất hàng năm. Khi cổ phần hóa, tiếp tục được sử dụng như hiện tại, làm xưởng thực nghiệm sản xuất sợi, chỉ may, vải, sản phẩm dệt may và trung tâm đào tạo cán bộ kỹ thuật dệt may.

c. Phân Viện tại thành phố Hồ Chí Minh: 2219,6 m², đã có Quyết định thuê đất số 5596/QĐ-UBND thành phố HCM ngày 02 tháng 11 năm 2015, hiện nay đang làm các thủ tục thuê đất và miễn tiền thuê đất, tiếp tục được sử dụng làm văn phòng làm việc, trung tâm thí nghiệm, chứng nhận, nghiên cứu đào tạo và giới thiệu sản phẩm như hiện tại.

II.2.12 Phương án về tổ chức quản lý điều hành:

Mô hình tổ chức bộ máy khi chuyển sang công ty cổ phần



a. Định biên nhân sự: Dự kiến bố trí lao động như sau:

- Giám đốc: 01 người
- Phó Giám đốc: 02 người
- Kế toán trưởng: 01 người

Cụ thể:

- Phòng Tài chính, Kế toán: 05 người
- Phòng Điều hành: 08 người.
- Trung tâm Nghiên cứu và Chuyên gia công nghệ: 06 người
- Trung tâm thí nghiệm: 13 người
- Trung tâm Giám định và Chứng nhận: 06 người
- Xưởng thực nghiệm: 08 người
- Chi nhánh Viện tại TP. HCM: 30 người

b. Chức năng nhiệm vụ của các bộ phận

Chức năng nhiệm vụ Hội đồng quản trị

Giám sát, chỉ đạo Viện trưởng và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Viện;

Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Viện, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông.

Chức năng của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Viện trưởng trong việc quản lý và điều hành Viện;

Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;

Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Viện, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông;

Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Viện, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Viện khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 23 của Điều lệ Viện.

Chức năng của Giám đốc

Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Viện, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

Chức năng của các Phó Giám đốc và Kế toán trưởng, Trưởng các phòng ban liên quan

Phó Giám đốc và Trưởng các Phòng Ban liên quan có nhiệm vụ hỗ trợ cho Viện trưởng trong các lĩnh vực hoạt động và sản xuất kinh doanh.

c. Tổ chức Đảng và các tổ chức chính trị xã hội trong công ty

Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam, tổ chức Công đoàn và các tổ chức chính trị xã hội khác trong công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và điều lệ các tổ chức chính trị xã hội phù hợp với qui định của pháp luật.

Công ty tôn trọng và tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức nêu trên và người lao động trong công ty hoạt động theo qui định.

II.2.13 Phương án sản xuất kinh doanh trong 3 năm sau cổ phần hóa

a. Chiến lược và mục tiêu

Tầm nhìn: Viện Nghiên cứu Dệt May - Công ty cổ phần trở thành tổ chức hàng đầu trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, chuyển giao các kết quả nghiên cứu khoa học, các sản phẩm công nghệ mới có khả năng cạnh tranh vào sản xuất công nghiệp; tư vấn và cung cấp dịch vụ kỹ thuật; là trung tâm thử nghiệm, hiệu chuẩn, giám định, chứng nhận sản phẩm dệt may và hàng tiêu dùng được quốc tế thừa nhận.

Sứ mệnh: Viện Nghiên cứu Dệt May - Công ty cổ phần là công cụ của các cơ quan Nhà nước, Bộ Công Thương, trực tiếp là Tập đoàn Dệt May VN trong định hướng công nghệ, cung cấp dịch vụ kỹ thuật, tư vấn, thẩm định, quản lý công nghệ, bảo vệ môi trường, quản lý chất lượng sản phẩm dệt may và hàng tiêu dùng.

Mục tiêu cụ thể:

Viện Nghiên cứu Dệt May - Công ty cổ phần củng cố vị trí của mình là trung tâm thử nghiệm, kiểm định, giám định và chứng nhận sản phẩm dệt may và hàng tiêu dùng được quốc tế thừa nhận;

Viện Nghiên cứu Dệt May - Công ty cổ phần là trung tâm về nghiên cứu phát triển, chuyển giao ứng dụng công nghệ và bảo vệ môi trường ngành dệt may;

Viện Nghiên cứu Dệt May - Công ty cổ phần là trung tâm tư vấn, thẩm định, tổ chức đào tạo, cung cấp thông tin cho ngành dệt may.

b. Các hoạt động chính

Sau khi chuyển đổi sang mô hình Công ty cổ phần, các hoạt động chính của Viện Nghiên cứu Dệt May tập trung chính vào các hoạt động nghiên cứu phát triển theo hướng ứng dụng nguyên liệu, công nghệ và phát triển các mặt hàng dệt may; Cung cấp các dịch vụ kỹ thuật đánh giá sự phù hợp (Thử nghiệm, Giám định, Chứng nhận, Hiệu chuẩn, Kiểm định) trong lĩnh vực dệt may và hàng tiêu dùng; Tư vấn, đào tạo kỹ thuật, chuyển giao công nghệ và kinh doanh các sản phẩm dệt may. Các hoạt động chính của Viện sau cổ phần hóa sẽ tập trung vào các nội dung sau:

Cung cấp dịch vụ kỹ thuật: Thử nghiệm, Giám định, Chứng nhận, Hiệu chuẩn, Kiểm định

Hoạt động đánh giá sự phù hợp (Thử nghiệm, Giám định, Chứng nhận, Hiệu chuẩn, Kiểm định) trong lĩnh vực dệt may và hàng tiêu dùng là một trong những thế mạnh của Viện và có tiềm năng phát triển, mở rộng trong tương lai. Xuất phát từ các kết quả nghiên cứu thị trường và các quy định pháp lý của các cơ quan chức năng trong và ngoài nước, các hoạt động cung cấp dịch vụ công thuộc lĩnh vực dịch vụ có điều kiện: phải đáp ứng các điều kiện về năng lực hoạt động: có hệ thống quản lý, nhân sự, thiết bị đáp ứng các chuẩn mực quy định. Với định hướng xây dựng Viện trở thành thành trung tâm hàng đầu tại Việt Nam trong việc cung cấp các dịch vụ đánh giá sự phù hợp (Thử nghiệm, Giám định, Chứng nhận, Hiệu chuẩn, Kiểm định) trong lĩnh vực dệt may và hàng tiêu dùng, đạt các chuẩn mực được sự thừa nhận quốc tế; các hoạt động cung cấp dịch vụ kỹ thuật của Viện trong thời gian tới tập trung vào các hoạt động chính sau:

Dịch vụ thử nghiệm, kiểm định và hiệu chuẩn

Là một trong những hoạt động có thế mạnh và hiệu quả của Viện trong thời gian vừa qua. Ngoài việc duy trì hệ thống quản lý chất lượng phòng thử nghiệm và hiệu chuẩn

theo ISO/IEC 17025:2005, duy trì năng lực thử nghiệm, kiểm định và hiệu chuẩn hiện có, các Trung tâm thí nghiệm của Viện sẽ mở rộng phạm vi hoạt động của mình. Cụ thể:

- ✓ Đăng ký hoạt động thử nghiệm với các cơ quan chức năng, đáp ứng các điều kiện của tổ chức cung cấp dịch vụ thử nghiệm;
- ✓ Mở rộng lĩnh vực thí nghiệm chất lượng các sản phẩm tiêu dùng: dệt may, giấy, da giày, đồ chơi trẻ em, môi trường,...
- ✓ Cập nhật, ứng dụng, phát triển các phương pháp thử nghiệm mới, xây dựng, phát triển các tiêu chuẩn, qui chuẩn kỹ thuật ngành dệt may, hàng tiêu dùng;
- ✓ Đào tạo cán bộ quản lý chất lượng, nhân viên kỹ thuật, cán bộ thí nghiệm cho các doanh nghiệp và các phòng thử nghiệm.

Dịch vụ chứng nhận, giám định

- ✓ Xây dựng hệ thống quản lý chất lượng chứng nhận sản phẩm theo ISO/IEC 17065: 2012; hệ thống quản lý chất lượng giám định theo ISO/IEC 17020: 2012 cho các sản phẩm dệt may và hàng tiêu dùng;
- ✓ Đăng ký hoạt động chứng nhận, giám định với các Cơ quan quản lý Nhà nước, đáp ứng các điều kiện của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng nhận, giám định sản phẩm dệt may và sản phẩm tiêu dùng;
- ✓ Tư vấn, đánh giá, chứng nhận sản phẩm dệt may và sản phẩm tiêu dùng theo các quy chuẩn kỹ thuật và các tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn quốc gia và các tiêu chuẩn khác.

Nghiên cứu KHCN, tư vấn, chuyển giao KHCN

- ✓ Tham gia các chương trình cấp Nhà nước, nghiên cứu hoạch định quy hoạch, xây dựng chính sách, giải pháp phát triển, điều tra khảo sát ngành dệt may;
- ✓ Nghiên cứu ứng dụng các nguyên liệu mới, công nghệ mới, công nghệ thân thiện môi trường để tạo ra các sản phẩm dệt có tính năng khác biệt, các sản phẩm dệt kỹ thuật, sản phẩm dệt y sinh; nghiên cứu thiết kế chế tạo các thiết bị thí nghiệm, thiết bị công nghệ dệt may;
- ✓ Nghiên cứu các giải pháp trong quản lý sản xuất, kiểm soát chất lượng sản phẩm, các chương trình sản xuất sạch hơn, sản xuất dệt may bền vững; Xây dựng hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống dữ liệu, tài liệu công nghệ, quản lý và kỹ thuật ngành dệt may.
- ✓ Cung cấp dịch vụ tư vấn, chuyển giao công nghệ, thiết kế, thẩm định các dự án nhà máy sợi dệt nhuộm may;
- ✓ Nghiên cứu các vấn đề liên quan đến bảo vệ môi trường ngành dệt may, lập báo cáo tác động môi trường, thẩm định đánh giá các dự án;
- ✓ Cung cấp các khóa đào tạo ngắn hạn về sợi dệt nhuộm may.

Dịch vụ tư vấn, đào tạo, cung cấp thông tin

- ✓ Thực hiện các hợp đồng tư vấn, thẩm định, chuyển giao công nghệ cho khách hàng từ các kết quả NCKH, SXTN;

- ✓ Cung cấp dịch vụ tư vấn, cập nhật thông tin, điều tra khảo sát trong ngành dệt may; cung cấp các khóa đào tạo ngắn hạn chuyên ngành, đào tạo cán bộ quản lý, nhân viên kỹ thuật ngành dệt may;
- ✓ Mở rộng, kết nối, hợp tác phát triển với các đơn vị ngành dệt may nước ngoài và trong nước.

Sản xuất kinh doanh

- ✓ Sản xuất sợi: sợi bông, sợi non-twist, sợi tre, chỉ may, chỉ bông và tơ tằm các loại,...;
- ✓ Sản xuất vải, sản phẩm dệt may: vải dệt kim/dệt thoi, các loại khăn tắm, khăn mặt, vải không dệt, sản phẩm may mặc,...
- ✓ Kinh doanh các mặt hàng, lĩnh vực không bị cấm,..

Các phương án hoạt động và sản xuất kinh doanh của Viện Dệt May trong 05 năm sau cổ phần hóa được xây dựng trên cơ sở điều kiện thực tế và năng lực hoạt động của Viện Dệt May trong 03 năm gần nhất trước khi triển khai cổ phần hóa với các định hướng và điều kiện hoạt động được tóm tắt như sau:

Phương án 1:

Định hướng các hoạt động chính của Viện Dệt May sau cổ phần hóa là: Duy trì và đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu phát triển, ứng dụng các công nghệ và vật liệu dệt may mới và dịch vụ kỹ thuật, tư vấn công nghệ, đánh giá sự phù hợp: chứng nhận, giám định, kiểm định, thí nghiệm các sản phẩm dệt may và hàng tiêu dùng: Đồ chơi trẻ em, giấy, da giày,... trong đó phần đầu đưa các hoạt động dịch vụ kỹ thuật có mức tăng trưởng hàng năm từ 20 đến 25% và xác định đây là hoạt động có khả năng đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của ngành dệt may; Duy trì các hoạt động nghiên cứu phát triển, ứng dụng các công nghệ và vật liệu dệt may mới, hoạt động kinh doanh sợi, chỉ, các sản phẩm dệt may từ kết quả của các đề tài, dự án thử nghiệm của Viện.

Điều kiện để đạt được kết quả của phương án 1 là sau khi cổ phần hóa, Viện tiếp tục áp dụng các ưu đãi về hoạt động khoa học, công nghệ, chính sách khuyến khích xã hội hóa như đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khoa học công nghệ trước khi chuyển đổi (mục 5, điều 20 của nghị định 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/06/2015):

1. Tiếp tục được thuê đất và miễn tiền sử dụng đất với Viện **đối với các diện tích đất phục vụ cho công tác nghiên cứu khoa học, các phòng thí nghiệm, Trung tâm đào tạo và xưởng thực nghiệm phục vụ công tác nghiên cứu khoa học**; như hiện có trước khi chuyển đổi thành công ty cổ phần;

2. Không điều chỉnh giá trị tài sản khi thực hiện cổ phần hóa. Giá trị doanh nghiệp Viện Dệt May được nhận vốn, tài sản theo giá trị sổ sách đã được kiểm toán tại thời điểm thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp. Giá trị doanh nghiệp của Viện Dệt May được đánh giá lại sử dụng làm cơ sở để xây dựng giá khởi điểm để chào bán cổ phần hóa; tiền thu về từ cổ phần hóa Viện Dệt may là không đổi, Nhà nước vẫn không bị giảm tiền thu thuế.

Theo phương án này, so với thực tế hoạt động, hạch toán của Viện Dệt May trước khi cổ phần hóa là bổ sung việc thực hiện khấu hao tài sản cố định như đối với các doanh nghiệp (Điều này chưa áp dụng với đơn vị sự nghiệp khoa học chưa cổ phần hóa), nhưng với việc đẩy mạnh hoạt động dịch vụ kỹ thuật, hoạt động của Viện có lãi ngay từ năm đầu và tăng trong những năm tiếp theo.

Thực hiện theo Phương án 1, hoạt động của Viện Dệt May sau cổ phần hóa có một số thuận lợi và khó khăn so với hoạt động của Viện khi chưa cổ phần hóa:

Thuận lợi: Được tiếp tục hưởng một số ưu đãi của Nhà nước áp dụng cho các đơn vị sự nghiệp khoa học: Được thuê đất và miễn tiền thuê đất **đối với các diện tích đất phục vụ cho công tác nghiên cứu khoa học, các phòng thí nghiệm, Trung tâm đào tạo và xưởng thực nghiệm phục vụ công tác nghiên cứu khoa học; Được tiếp nhận giá trị doanh nghiệp theo giá trị sổ sách đã được kiểm toán** tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa.

Khó khăn: So với khi chưa cổ phần hóa, Viện Dệt May hạch toán khấu hao tài sản cố định hàng năm như các doanh nghiệp thông thường, chi phí hàng năm tăng thêm trong năm 2018 là 3.444 triệu đồng và tăng trong những năm tiếp theo. Để đạt được yêu cầu này, Viện phải có được phương án giảm chi phí, sử dụng lao động hợp lý, mở rộng các hoạt động cung cấp dịch vụ kỹ thuật với mức tăng từ 20% đến 25%.

Đây là phương án tốt nhất trong bối cảnh thực tế của Viện, giúp Viện ổn định và phát triển ngay từ những năm đầu tiên sau cổ phần hóa.

Phương án 2:

Nội dung hoạt động của Phương án 2 tương tự như Phương án 1. Điểm khác biệt của Phương án 2 so với Phương án 1 là, **giá trị doanh nghiệp mà** Việt Dệt May tiếp nhận bàn giao trên cơ sở kết quả xác định giá trị doanh nghiệp của Viện tại thời điểm 30/09/2016 theo quyết định số 1814/QĐ-BCT ngày 22 tháng 5 năm 2017 của Bộ Công Thương về việc xác định giá trị Viện Dệt May.

Theo Phương án 2, do giá trị doanh nghiệp tiếp nhận khi cổ phần hóa tăng thêm 10.466.234.245 đồng so với giá trị sổ sách **nên kết quả hoạt động kinh doanh của Viện Dệt May sau khi cổ phần hóa giảm đi, điều này ảnh hưởng đến đánh giá của các nhà đầu tư và khả năng thành công của IPO.**

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

Phương án 1: Không điều chỉnh giá trị doanh nghiệp khi thực hiện cổ phần hóa.

Đơn vị: triệu đồng

TT	Các chỉ tiêu	2017	2018	2019	2020	2021	2022
I	Doanh thu hoạt động	44.770	49.220	55.320	60.995	65.970	71.820
1	Dịch vụ kỹ thuật	12.000	15.600	19.500	24.375	29.250	35.100
2	Kinh doanh sợi chỉ	20.700	20.900	21.000	21.200	21.300	21.300
3	Các dịch vụ khác	5.520	7.720	9.820	10.920	10.920	10.920
4	Doanh thu đề tài, dự án	6.550	5.000	5.000	4.500	4.500	4.500
II	Chi phí sản xuất trực tiếp	44.546	45.399	50.581	55.849	58.823	63.128
1	Nguyên vật liệu	30.207	33.102	36.685	38.849	40.605	42.302
2	Lương CBNV	9.524	7.945	9.340	11.703	12.503	14.642
3	BHXB. BHYT. BHTN	1.448	889	914	1.143	1.318	1.523
4	Điện, nước	1.137	1.193	1.272	1.372	1.469	1.581
5	Chi khác	2.230	2.270	2.370	2.783	2.928	3.080
III	Lợi nhuận trước khấu hao TSCĐ và tiền thuế thuê đất	225	3.821	4.738	5.146	7.147	8.692
1	Khấu hao tài sản cố định		3.544	3.747	3.948	4.088	4.193
2	Tiền thuế thuê đất	44	44	44	44	44	44
IV	Lợi nhuận trước thuế	181	233	947	1.154	3.014	4.455
V	Thuế thu nhập doanh nghiệp	36	47	189	231	603	891
VI	Lợi nhuận sau thuế	144	186	758	923	2.411	3.564
VII	Đầu tư thiết bị mới	1.905	2.110	2.900	2.875	2.000	1.495

Phương án 2: Điều chỉnh giá trị doanh nghiệp khi thực hiện cổ phần hóa theo giá trị doanh nghiệp đã đánh giá lại

Đơn vị: triệu đồng

TT	Các chỉ tiêu	2017	2018	2019	2020	2021	2022
I	Doanh thu hoạt động	44.770	49.220	55.320	60.995	65.970	71.820
1	Dịch vụ kỹ thuật	12.000	15.600	19.500	24.375	29.250	35.100
2	Kinh doanh sợi chỉ	20.700	20.900	21.000	21.200	21.300	21.300
3	Các dịch vụ khác	5.520	7.720	9.820	10.920	10.920	10.920
4	Doanh thu đề tài, dự án	6.550	5.000	5.000	4.500	4.500	4.500
II	Chi phí sản xuất trực tiếp	44.546	45.399	50.581	55.849	58.823	63.128
1	Nguyên vật liệu	30.207	33.102	36.685	38.849	40.605	42.302
2	Lương CBNV	9.524	7.945	9.340	11.703	12.503	14.642
3	BHXB. BHYT. BHTN	1.448	889	914	1.143	1.318	1.523
4	Điện, nước	1.137	1.193	1.272	1.372	1.469	1.581
5	Chi khác	2.230	2.270	2.370	2.783	2.928	3.080
III	Lợi nhuận trước khấu hao TSCĐ và tiền thuế thuê đất	225	3.821	4.738	5.146	7.147	8.692
1	Khấu hao tài sản cố định		3.741	3.944	4.145	4.285	4.390
2	Tiền thuế thuê đất	44	44	44	44	44	44
IV	Lợi nhuận trước thuế	181	36	750	957	2.817	4.258
V	Thuế thu nhập DN	36	7	150	191	563	852
VI	Lợi nhuận sau thuế	144	29	600	765	2.254	3.406
VII	Đầu tư thiết bị mới	1.905	2.110	2.900	2.875	2.000	1.495

II.2.14 Các giải pháp thực hiện

a. Giải pháp về thị trường

- Duy trì và mở rộng thị trường cung cấp dịch vụ kỹ thuật về thử nghiệm, giám định, chứng nhận, hiệu chuẩn, kiểm định các sản phẩm dệt may, da giày, giấy và các sản phẩm tiêu dùng khác;
- Duy trì và mở rộng thị trường khách hàng lĩnh vực tư vấn, thẩm định, thiết kế công nghệ, dây chuyền thiết bị sản xuất ngành dệt may;
- Mở rộng thị trường, khách hàng tiêu thụ các sản phẩm là kết quả NCKH về sản phẩm mới, sản phẩm có chức năng đặc biệt trong ngành dệt may;
- Hợp tác với các đơn vị trong và ngoài nước để mở rộng thị trường tiêu thụ xơ, sợi, vải, hóa chất thuốc nhuộm và phụ liệu ngành dệt may;
- Phát triển dịch vụ tư vấn về công tác bảo vệ môi trường, đánh giá tác động môi trường trong ngành dệt may;
- Tiếp tục khẳng định và phát triển thương hiệu công ty trên thị trường trong và ngoài nước.

b. Giải pháp về tổ chức, quản lý

- Ban hành các qui chế, qui định về quản lý mang tính tập trung, buộc các bộ phận phải nâng cao nhận thức, trách nhiệm và phải tuyệt đối tuân thủ;
- Giám sát hoạt động của các đơn vị, kịp thời phát hiện rủi ro để có các biện pháp ngăn chặn;
- Rà soát, tiết giảm chi phí quản lý, chi phí kinh doanh, các định mức kinh tế kỹ thuật; yêu cầu các bộ phận xây dựng kế hoạch chi tiết về từng khoản mục với mức tiết giảm cụ thể và phổ biến đến từng CBCNV để phấn đấu thực hiện;
- Bố trí sắp xếp nguồn nhân lực hợp lý, hiệu quả theo hướng khuyến khích để CBCNV phát huy tốt khả năng, năng lực của từng cá nhân và đơn vị bộ phận;
- Tăng cường hiệu quả khai thác, sử dụng các cơ sở vật chất, thiết bị máy móc, nguồn lực cán bộ KHCN.

c. Giải pháp KHCN

- Nghiên cứu phát triển, ứng dụng các nguyên liệu mới để tạo ra các sản phẩm chức năng có giá trị cao;
- Nghiên cứu phát triển các phương pháp thử nghiệm, xây dựng các tiêu chuẩn/qui chuẩn quốc gia về sản phẩm dệt may để bảo vệ người tiêu dùng trong nước;

- Nghiên cứu phát triển và ứng dụng các công nghệ, phương pháp thử nghiệm đánh giá tác động, bảo vệ môi trường trong ngành dệt may.

d. Giải pháp đầu tư

- Đầu tư các thiết bị thử nghiệm, mở rộng lĩnh vực thử nghiệm cho ngành dệt may, da giày, giấy, các loại phao cứu sinh, lĩnh vực bảo vệ môi trường ngành dệt may;

- Đầu tư trang thiết bị, dây chuyền sản xuất, các mô hình để phục vụ đào tạo cán bộ kỹ thuật ngành dệt may.

e. Giải pháp lao động

Để có nguồn nhân lực đủ năng lực đáp ứng yêu cầu cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cần phải có chiến lược phát triển con người một cách toàn diện, điều này đồng nghĩa với việc thực hiện tốt công tác cán bộ, công tác tuyển chọn, đào tạo bồi dưỡng cũng như qui hoạch nhân sự.

- Có chính sách hấp dẫn, thu hút người có tài đức làm việc, gắn bó lâu dài với Viện;

- Nâng cao trách nhiệm, phân quyền cho trưởng các đơn vị;

- Rà soát, xây dựng bản mô tả công việc đối với từng vị trí, có yêu cầu cụ thể về năng lực, trình độ cũng như hiệu quả cần đạt được;

- Phân phối tiền công theo mức đóng góp của từng đơn vị, cá nhân; Xây dựng chính sách tiền lương, thu nhập thực sự trở thành đòn bẩy cho phát triển nguồn nhân lực chất lượng;

- Thực hiện công tác phát triển nguồn nhân lực: bổ nhiệm, điều động, luân chuyển cán bộ một cách minh bạch với những tiêu chí cụ thể (ưu tiên đề bạt cán bộ trẻ, kế cận);

- Hàng năm xây dựng kế hoạch đào tạo và tổ chức thực hiện thường xuyên liên tục việc đào tạo lại cán bộ, công nhân viên để đáp ứng yêu cầu công việc từng thời kỳ;

- Kịp thời động viên, khuyến khích khen thưởng, xử phạt đúng đối tượng tạo niềm tin, khích lệ người lao động phát huy hết năng lực phục vụ cho lợi ích của Viện.

f. Giải pháp hợp tác quốc tế và trong nước

Tiếp tục duy trì và mở rộng quan hệ hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước để khai thác có hiệu quả hơn các cơ sở vật chất và nguồn nhân lực hiện có, đặc biệt là mở rộng lĩnh vực cung cấp dịch vụ kỹ thuật, thử nghiệm cho khối doanh nghiệp nước ngoài ở Việt Nam.

PHẦN THỨ BA
TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ KIẾN NGHỊ

III.1 Tổ chức thực hiện

Sau khi phương án cổ phần hóa của Viện Dệt May được Bộ Công Thương phê duyệt, Viện dự kiến triển khai thực hiện phương án theo lịch trình như sau:

TT	Nội dung công việc	Thời gian (ngày)
1	Thời điểm Bộ Công Thương phê duyệt phương án CPH	T
2	Trình, phê duyệt tổ chức tư vấn bán đấu giá và tổ chức trung gian thực hiện bán đấu giá (Sở GDCK)	T+8
3	Ký hợp đồng với tổ chức tư vấn bán đấu giá và tổ chức trung gian thực hiện bán đấu giá (Sở GDCK)	T+10
4	Mở tài khoản phong tỏa thu tiền bán cổ phần	T+15
5	Xây dựng dự thảo hồ sơ đấu giá, bản công bố thông tin	T+38
6	Thẩm định, phê duyệt hồ sơ đấu giá, bản công bố thông tin	T+48
7	Công bố thông tin trước khi đấu giá	T+50
8	Tổ chức đấu giá	T+70
9	Tổng hợp kết quả bán đấu giá, ký biên bản xác định kết quả đấu giá, xử lý cổ phần không bán hết, công bố thông tin về kết quả đấu giá, hoàn tiền đặt cọc, thu tiền mua cổ phiếu, chuyển tiền về tài khoản phong tỏa	T+85
10	Tổ chức bán cổ phần ưu đãi cho CBCNV	T+82
	Bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược	T+82
11	Các công việc sau khi đấu giá (Xử lý các trường hợp vi phạm quy chế bán đấu giá, báo cáo Bộ Công Thương kết quả bán cổ phần lần đầu; Điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ nếu không bán hết cổ phần)	T+102
12	Tổ chức Đại hội cổ đông lần thứ nhất	T+112
13	Đăng ký doanh nghiệp	T+130
14	Lập báo cáo tài chính tại thời điểm công ty cổ phần được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu, thực hiện quyết toán thuế, kiểm toán báo cáo tài chính, quyết toán chi phí CPH	T+160
15	Bàn giao, ra mắt công ty cổ phần	T+160

III.2 Kiến nghị

Viện Dệt May hiện là đơn vị sự nghiệp khoa học công nghệ công lập hoạt động theo mô hình tự chủ chi thường xuyên nên đang được hưởng các chính sách của một đơn vị sự nghiệp khoa học công lập: Được miễn tiền sử dụng đất; tài sản cố định được điều chỉnh giảm hàng năm theo hao mòn tài sản,... Sản phẩm của đơn vị sự nghiệp là các kết quả nghiên cứu và các dịch vụ công. Mục đích trước sau của Viện vẫn là cung cấp các dịch vụ kỹ thuật và sản phẩm phục vụ các doanh nghiệp ngành dệt may. Khi thực hiện chuyển đổi thành đơn vị cổ phần, Viện Dệt May xác định sẽ gặp thêm các khó khăn trong giai đoạn đầu: Khó đảm bảo kinh phí hoạt động, các chi phí phát sinh khi hạch toán theo mô hình công ty cổ phần (chi phí khấu hao tài sản cố định...), khó có thể đảm bảo cổ tức cho nhà đầu tư trong những năm đầu sau cổ phần hóa. **Để đảm bảo khả năng thành công của IPO**, tạo điều kiện trong việc duy trì các hoạt động của Viện ổn định và phát triển, giữ và thu hút đội ngũ cán bộ kỹ thuật giỏi, đảm bảo được các mục tiêu sau cổ phần hóa. Viện Dệt May kiến nghị Chính phủ, các Bộ, Ban, Ngành xem xét và ủng hộ các kiến nghị sau:

1. Được tiếp tục áp dụng các ưu đãi về khoa học công nghệ, chính sách khuyến khích xã hội hóa **như** đối với Viện hoạt động trong lĩnh vực khoa học công nghệ **như** trước khi chuyển đổi. Cụ thể: Được tiếp tục tham gia các đề án, chương trình phát triển KH-CN, các đề tài dự án; các chương trình đào tạo, đào tạo lại và phát triển nguồn nhân lực khoa học công nghệ trong và ngoài nước; Được giao nhiệm vụ cung cấp các loại dịch vụ công cho ngành dệt may và xã hội; Tiếp tục được hỗ trợ ưu tiên Viện trong việc được nhận tài trợ, tham gia các dự án ODA như trước khi chuyển đổi thành công ty cổ phần;

2. Tiếp tục được sử dụng nguyên trạng diện tích đất đai, nhà cửa vật kiến trúc, công trình kết cấu hạ tầng,... được thuê đất và miễn tiền thuê đất **đối với các diện tích đất phục vụ cho công tác nghiên cứu khoa học, các phòng thí nghiệm, Trung tâm đào tạo và xưởng thực nghiệm phục vụ công tác nghiên cứu khoa học** cho Viện tại Hà Nội và Chi nhánh tại TP. HCM với các ưu đãi như trước khi cổ phần hóa

Viện Dệt May hiện được Chính phủ đồng ý miễn tiền thuê đất theo Văn bản số 186/TTg-KTN ngày 01 tháng 02 năm 2016 và được Thành phố Hà Nội thực hiện bằng Quyết định số 1025 và 1026/QĐ-UBND ngày 02 tháng 3 năm 2016 cho Viện Dệt May tiếp tục thuê đất để làm trụ sở làm việc, trung tâm thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu đào tạo và xưởng thực nghiệm; Thời hạn thuê đất 50 năm kể từ ngày 15 tháng 10 năm 1993. Nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất và miễn tiền thuê đất.

3. Không điều chỉnh giá trị tài sản khi thực hiện cổ phần hóa. Giá trị tài sản của Viện Dệt May được đánh giá lại sử dụng làm cơ sở để xây dựng giá khởi điểm để chào bán cổ phần hóa; Tiền thu về từ cổ phần hóa Viện Dệt May là không đổi, Nhà nước vẫn không bị giảm tiền thu thuế.

4. Được hưởng các chính sách ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp và ưu đãi về thời gian miễn thuế, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp theo điều 5 Nghị định 54/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 06 năm 2016. Cụ thể:

a) Được áp dụng thuế suất 10% trong thời gian mười lăm năm;

b) Được miễn thuế trong thời gian bốn năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong chín năm tiếp theo;

5. Được lựa chọn một nhà đầu tư chiến lược đáp ứng các tiêu chí để Viện hoạt động ổn định và phát triển;

6. Về tên gọi sau khi cổ phần hóa: Viện Nghiên cứu Dệt May - Công ty cổ phần để tạo điều kiện thuận lợi cho Viện trong giao dịch, đối ngoại,...

7. Được thực hiện cổ phần hóa theo phương án sản xuất kinh doanh số 1.

Thực hiện cổ phần hóa Viện Dệt May là phù hợp với chủ trương của Nhà nước và cần thiết để Viện mở rộng quy mô và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Kính đề nghị Bộ Công Thương xem xét và phê duyệt phương án cổ phần hóa Viện Dệt May để Viện triển khai thực hiện các bước tiếp theo./.

VIỆN TRƯỞNG